

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	2
1.	Rủi ro về kinh tế.....	2
2.	Rủi ro về luật pháp.....	2
3.	Rủi ro đặc thù.....	3
4.	Rủi ro khác.....	4
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	4
1.	Tổ chức niêm yết.....	4
2.	Tổ chức tư vấn	4
III.	CÁC KHÁI NIỆM	5
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT.....	6
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	6
2.	Một số thông tin chính về Công ty cổ phần Nam Vang.....	7
3.	Cơ cấu tổ chức của Công ty:.....	8
4.	Cơ cấu tổ chức công ty.....	10
5.	Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty	10
6.	Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của công ty; danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông	13
7.	Danh sách những Công ty con, Công ty liên kết của tổ chức đăng ký niêm yết.	15
8.	Hoạt động kinh doanh	17
9.	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	29
10.	Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	32
11.	Chính sách đối với người lao động	38
12.	Chính sách cổ tức	40
13.	Tình hình hoạt động tài chính	40
14.	Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	45
15.	Tài sản	54
16.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo	56
17.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	60
18.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết	60
19.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết	61
V.	CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT	61
VI.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT	63
VII.	PHỤ LỤC	64

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

Sản lượng tiêu thụ của các doanh nghiệp sản xuất thép phụ thuộc vào tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế nói chung và tốc độ tăng trưởng của ngành công nghiệp và xây dựng nói riêng. Hiện Việt Nam đang trong quá trình đẩy nhanh tốc độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước với nhiều dự án đầu tư lớn về xây dựng cơ sở hạ tầng, khu công nghiệp, khu đô thị đã và đang triển khai. Do đó nhu cầu tiêu dùng thép trong tương lai là rất lớn, đặc biệt là thép công nghiệp.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ đến tốc độ tăng trưởng của ngành thép. Theo các chuyên gia trong ngành, tốc độ phát triển nhu cầu về thép tăng nhanh gấp đôi tốc độ phát triển GDP của cả nước. Những năm trở lại đây, theo Tổng cục Thống kê Việt Nam, Việt Nam có tốc độ tăng trưởng khá cao và ổn định: năm 2003 là 7,23%, năm 2004 đạt 7,7%, năm 2005 là 8,4% và năm 2006 đạt 8,7%. Các chuyên gia phân tích đều cho rằng tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam duy trì ở mức 8,2% - 8,7%/năm trong các năm tới là hoàn toàn khả thi. Sự phát triển lạc quan của nền kinh tế có ảnh hưởng tốt đến sự phát triển của ngành.

Tuy nhiên nếu xảy ra suy thoái tài chính dẫn đến suy thoái kinh tế toàn cầu xảy ra cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của công ty.

Hiện nay, Việt Nam đã gia nhập tổ chức thương mại thế giới WTO, nền kinh tế Việt Nam đã và đang đón nhận nhiều làn sóng đầu tư với các dự án lớn về công nghiệp và xây dựng được triển khai. Với việc đón nhận các làn sóng đầu tư, nhu cầu thép chất lượng cao phục vụ của các công trình lớn, các cơ sở nhà máy sản xuất cơ khí, kim khí tiêu dùng và xây dựng dân dụng sẽ gia tăng đáng kể. Vì vậy rủi ro về kinh tế không phải là một rủi ro lớn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Rủi ro về luật pháp

Là một Công ty cổ phần, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty sẽ chịu sự điều chỉnh của Luật doanh nghiệp và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn. Khi niêm yết trên Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội, hoạt động của Công ty còn chịu sự điều chỉnh của Luật và các văn bản dưới luật về Chứng khoán và Thị trường chứng khoán.

Hiện nay, hệ thống luật pháp Việt Nam đang trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, việc vận dụng không phù hợp và kịp thời sẽ tạo ra những rủi ro pháp lý cho hoạt động kinh doanh của Nam Vang. Những thách thức đó đòi hỏi Công ty phải

chủ động nghiên cứu, nắm bắt sát sao các chủ trương đường lối của Nhà nước, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp.

3. Rủi ro đặc thù

✓ Rủi ro về thuế nhập khẩu:

Đặc thù của Công ty CP Nam Vang là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại. Công ty nhập khẩu một số sản phẩm thép công nghiệp từ nước ngoài nên thuế nhập khẩu có ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên hiện nay, lĩnh vực sản xuất thép công nghiệp trong nước chưa phát triển, số các doanh nghiệp sản xuất thép công nghiệp trong nước rất ít nên mức độ bảo hộ của nhà nước đối với các sản phẩm thép công nghiệp chưa cao. Do đó, thuế nhập khẩu đối với hầu hết các mặt hàng thép công nghiệp đều bằng 0%, một số sản phẩm thép hình và thép đặc chủng có thuế nhập khẩu 2 – 5%. Mức thuế này khá nhỏ nên mức độ ảnh hưởng của thuế nhập khẩu đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tương đối thấp.

✓ Rủi ro tỷ giá:

Công ty chủ yếu nhập khẩu sản phẩm thép từ nước ngoài nên tỷ giá hối đoái có tác động lớn đến giá thành sản phẩm và hiệu quả kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro này, Công ty đã có kế hoạch chủ động cân đối nguồn ngoại tệ phục vụ cho việc nhập khẩu thép cuộn từ các nước. Bên cạnh đó công ty có quan hệ uy tín với các Tổ chức tín dụng có uy tín như: Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam, Ngân hàng Công thương Việt Nam... nên có thể sử dụng nguồn vốn vay bằng ngoại tệ được đảm bảo và sử dụng linh hoạt. Ngoài ra, Công ty cũng sẽ chọn thời điểm nhập và tồn trữ hàng hóa hợp lý để giảm thiểu ảnh hưởng của việc biến động tỷ giá.

✓ Rủi ro biến động giá:

Là doanh nghiệp hoạt động thương mại, sự biến động của giá cả đầu vào sẽ ảnh hưởng lớn đến kết quả kinh doanh của Công ty. Nếu hàng tồn kho của Công ty lớn trong khi giá thép từ các nhà máy sản xuất lại có xu hướng giảm thì lợi nhuận của Công ty sẽ có khả năng giảm, ngược lại Công ty sẽ thu được lợi nhuận cao. Mặt khác, các nhà máy thép trong nước phải nhập khẩu phôi thép nên giá bán sản phẩm phụ thuộc rất lớn vào sự biến động giá phôi thép trên thế giới. Trong giai đoạn vừa qua, sự biến động giá phôi thép cũng ảnh hưởng gián tiếp tới kết quả kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên, với những lợi thế vốn có của Công ty là một trong những nhà cung cấp thép công nghiệp lớn nhất Việt Nam, có sự thiết lập quan hệ với hàng chục tập đoàn cung ứng thép lớn trên thế giới và giá cả của nguồn hàng nhập khẩu luôn được ưu đãi hơn so với các doanh nghiệp khác (3 – 5 USD/tấn), những rủi ro biến động giá không gây thiệt hại quá lớn cho Công ty.

▼ Rủi ro cạnh tranh:

Nhu cầu thép công nghiệp trong cả nước ngày một cao. Cùng với sự gia tăng của sức cầu, các doanh nghiệp cung ứng thép công nghiệp ở Việt Nam ngày càng nhiều như: Công ty cổ phần Thép Việt, Công ty Thép Cẩm Nguyên, Công ty Kim khí Tp.HCM, Công ty Kim khí Hải Phòng, Công ty Kim khí Hà Nội...Tuy nhiên, với lợi thế là một trong ba doanh nghiệp hàng đầu về cung ứng thép công nghiệp, đồng thời Công ty cổ phần Nam Vang có các trung tâm và nhà máy pha cắt và định hình thép công nghiệp lớn và quy mô hiện đại, đáp ứng nhanh và đầy đủ các đơn hàng của nhà sản xuất sử dụng thép công nghiệp, một lợi thế mà ít doanh nghiệp kinh doanh thép công nghiệp có được nên nhìn chung, Công ty CP Nam Vang gần như là một trong những doanh nghiệp có tiềm lực nhất trên thị trường thép công nghiệp Việt Nam.

4. Rủi ro khác

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa.v.v... là những rủi ro bất khả kháng và khó dự đoán, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**1. Tổ chức niêm yết**

Ông Lê Văn Vang Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Bà Lê Thị Thanh Tâm Chức vụ: Kế toán trưởng

Bà Mai Thị Dân Chức vụ: Trưởng ban Kiểm soát

Chúng tôi bảo đảm rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế về tài sản, tình hình, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty cổ phần Nam Vang.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật: **Ông Lê Đình Ngọc**

Chức vụ: Giám đốc, Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Chứng khoán Thăng Long (sau đây gọi tắt là Công ty Chứng khoán Thăng Long)

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký niêm yết do Công ty Chứng khoán Thăng Long tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty cổ phần Nam Vang. Chúng tôi bảo đảm rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Nam Vang.

III. CÁC KHÁI NIỆM

▼ Trong Bản công bố thông tin này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Tổ chức niêm yết : Công ty cổ phần Nam Vang (NAMVANG CORP)
- Công ty kiểm toán : Công ty Kiểm toán và Dịch vụ tin học AISC là công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Nam Vang.
- Bản cáo bạch : Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.
- Điều lệ : Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Nam Vang thông qua.
- Vốn điều lệ : Là số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ Công ty cổ phần Nam Vang.
- Cổ phần : Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- Cổ phiếu : Chứng chỉ do NAMVANG CORP phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của NAMVANG CORP.
- Người có liên quan : Cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:
 - Công ty mẹ và công ty con (nếu có).
 - Công ty và người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của công ty đó thông qua các cơ quan quản lý công ty.
 - Công ty và những người quản lý công ty.
 - Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của Công ty.
 - Bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của người quản lý công ty, thành viên công ty, cổ đông có cổ phần chi phối.

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Nghị định 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

▼ Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản công bố thông tin này có nội dung như sau:

- Nam Vang: Tên viết tắt của Công ty cổ phần Nam Vang.
- TSC: Tên viết tắt của Công ty TNHH Chứng khoán Thăng Long.
- TSCĐ: Tài sản cố định
- TNHH: Trách nhiệm hữu hạn
- CP: Cổ phần
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT: Hội đồng quản trị
- BKS: Ban kiểm soát
- ĐKNY: Đăng ký niêm yết
- UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- TTGDCK HN: Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Thuế TNDN: Thuế thu nhập doanh nghiệp
- CBCNV: Cán bộ công nhân viên

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

- **Năm 1995:** Công ty TNHH Nam Vang được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0500772 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Địa chỉ trụ sở của Công ty tại 652 Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội. Đồng thời, trong năm 1995, Công ty thành lập cửa hàng kinh doanh thép Nam Hải (Ô Cách, Đức Giang, Hà Nội) và cửa hàng kinh doanh thép Nam Hồng (kho 6 Văn Điển, Hà Nội).
- **Năm 1998:** Công ty thành lập Văn phòng đại diện Công ty TNHH Nam Vang tại Hải Phòng.

- **Năm 1999:** Chi nhánh Công ty TNHH Nam Vang tại Hải Phòng được thành lập theo quyết định số 04-20/QĐGD của Giám đốc Công ty TNHH Nam Vang.
- **Năm 2000:** Thành lập trung tâm kinh doanh thép Nam Hải tại 107/53 Đức Giang, Long Biên, Hà Nội. Đồng thời thành lập Trung tâm kinh doanh thép Nam Hồng tại kho 6 thị trấn Văn Điển, Thanh Trì, Hà Nội.
- **Năm 2002:** Thành lập Xưởng cơ điện.
- **Năm 2004:** Thành lập Chi nhánh Công ty TNHH Nam Vang tại Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 4112016547 đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 11 năm 2004 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.
- **Năm 2007:** Công ty TNHH Nam Vang được chuyển đổi thành Công ty cổ phần Nam Vang, theo giấy đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0103017064 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 02 tháng 05 năm 2007. Tháng 10/2007, Công ty đã hoàn thành việc mua lại 3 công ty là: Công ty TNHH Thương mại Sản xuất An Thái Hòa; Công ty TNHH Thương mại Thống Nhất; Công ty cổ phần công nghiệp – xây dựng thương mại Nam Lý. Kể từ ngày 31/10/2007, 3 công ty trên chính thức là 03 công ty con của Nam Vang.

2. Một số thông tin chính về Công ty cổ phần Nam Vang

✓ Thông tin chung

- Tên giao dịch đầy đủ bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VANG
- Tên giao dịch : NAMVANG CORPORATION
- Tên viết tắt : NAMVANG CORP
- Logo:



- Trụ sở chính của Công ty:
 - Địa chỉ: Số 652 Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, quận Long Biên, thành phố Hà Nội.

- Điện thoại: 04.8273896 Fax: 04.8273897/04.8771905
- E-mail: namvang@hn.vnn.vn
- Tài khoản: 10510133447012 của Công ty CP Nam Vang tại Ngân hàng Techcombank – chi nhánh Chương Dương.
- Mã số thuế: 0100598739

- **Vốn điều lệ:**

- Hiện tại : **160.000.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi tỷ đồng)**

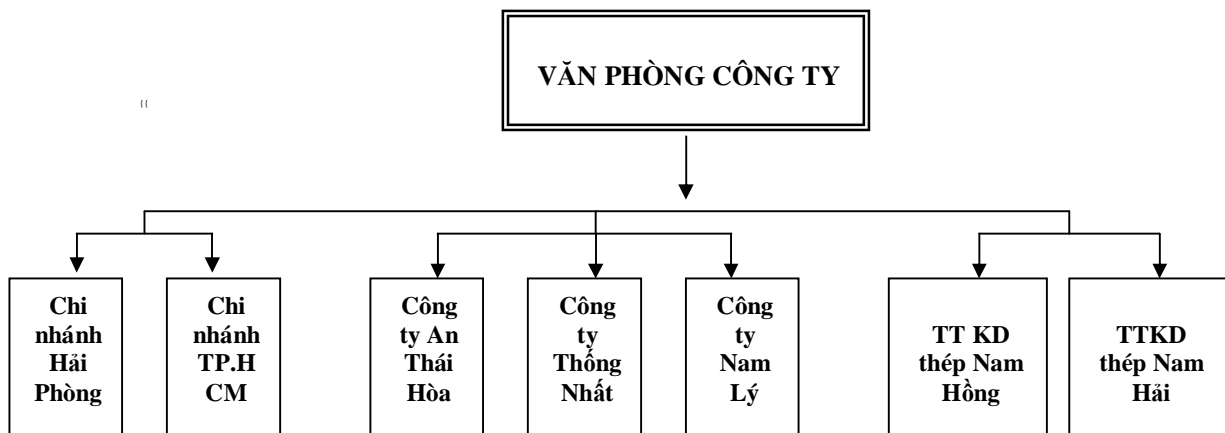
✓ Ngành nghề kinh doanh:

- Bán buôn sắt thép các loại;
- Bán buôn kim loại khác;
- Bán lẻ sắt, thép, kim loại khác;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa;
- Sản xuất, lắp dựng kết cấu thép, sản phẩm cơ khí;
- Xây dựng công trình dân dụng; công nghiệp;
- Dịch vụ lưu giữ, bốc xếp hàng hóa.

3. Cơ cấu tổ chức của Công ty:

Công ty Cổ phần Nam Vang tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam ban hành ngày 29/11/2005. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật doanh nghiệp, các Luật khác có liên quan và Điều lệ Công ty được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua.

Cơ cấu tổ chức của Công ty hiện tại gồm: Văn phòng chính, 02 chi nhánh, 03 Công ty con, 02 trung tâm kinh doanh thép.



▼ Trụ sở chính Công ty:

- Địa chỉ: Số 652 Nguyễn Văn Cừ, phường Gia Thụy, Quận Long Biên, thành phố Hà Nội.
- Điện thoại : 04. 8273896
- Fax : 04. 8273897

▼ Chi nhánh Công ty CP Nam Vang:

- Tại TP.Hồ Chí Minh:
 - Địa chỉ: A9 khu nhà thương mại Thuận Việt, số 379 Lý Thường Kiệt, Phường 15, Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh.
 - Điện thoại :08.8665984/8665985
 - Fax : 08.8665983

Ngành nghề kinh doanh:

- Buôn bán nguyên liệu sản xuất sắt, thép, sản phẩm bằng kim loại.
- Buôn bán hàng tiêu dùng: bàn , ghế, giường...
- Đại lý ký gửi hàng hóa;
- Vận tải hàng hóa.

- Tại Hải Phòng.

- Địa chỉ: Km 91 đường 5 mới, xã Nam Sơn, Huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.
- Điện thoại: 031.970999/970555
- Fax: 031.589029

Ngành nghề kinh doanh:

- Buôn bán hàng tư liệu sản xuất, buôn bán hàng tư liệu tiêu dùng, đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.
- Cửa hàng dịch vụ thương nghiệp;
- Sản xuất, lắp đặt các sản phẩm cơ khí dờ dang.

▼ Công ty con :

- Công ty TNHH Thương mại sản xuất An Thái Hòa
- Công ty TNHH Thương mại Thống Nhất
- Công ty CP Công nghiệp – Xây dựng và Thương mại Nam Lý.

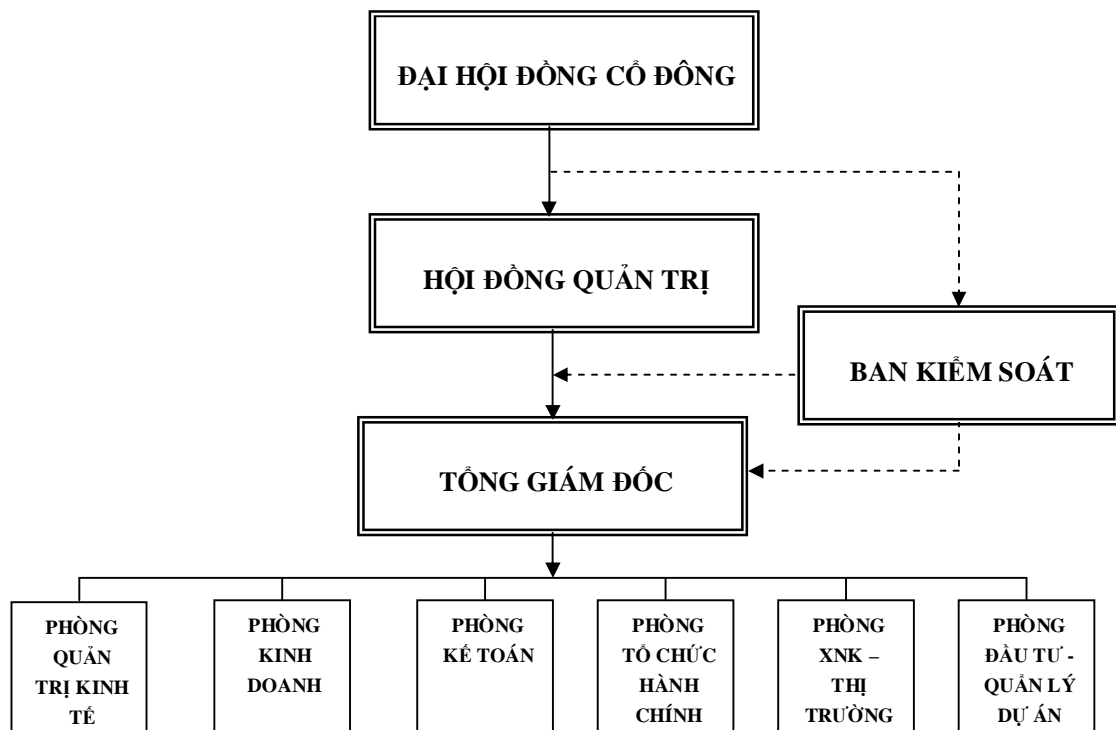
(Thông tin chi tiết về các công ty con được nêu tại Phần 7- Trang 16)

▼ **Trung tâm kinh doanh thép:**

- Trung tâm kinh doanh thép Nam Hải:
 - Địa chỉ: 107/53 Phố Đức Giang – Long Biên – Hà Nội
 - Điện thoại: 04.8771150/8772300
 - Fax: 04.8272015
- Trung tâm kinh doanh thép Nam Hồng
 - Địa chỉ: TT kho 6 – Thị trấn Văn Điển – Thanh Trì – Hà Nội
 - Điện thoại: 04.8611131/8615931
 - Fax: 04.6871611

4. Cơ cấu tổ chức công ty

SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC CÔNG TY



5. Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty

- **Đại hội đồng cổ đông:** Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, quyết định những vấn đề được Luật pháp và điều lệ Công ty quy định. Các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo.

- **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định và thực hiện các quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. HĐQT có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và những người quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do Luật pháp và điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông quy định.

Hội đồng quản trị Công ty gồm:

Ông **Lê Văn Vang** : Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông **Đỗ Hữu Thăng** : Ủy viên Hội đồng quản trị

Bà **Đặng Thị Nhân** : Ủy viên Hội đồng quản trị

Ông **Phạm Văn Thụ** : Ủy viên Hội đồng quản trị

- **Ban kiểm soát:** Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo Điều lệ Công ty cổ phần Nam Vang. Hoạt động của Ban kiểm soát phải đảm bảo khách quan, trung thực, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, chế độ chính sách nhà nước, điều lệ, quy chế của Công ty và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Ban kiểm soát Công ty gồm:

Bà **Mai Thị Dần** : Trưởng Ban kiểm soát

Bà **Bùi Thị Lý** : Ủy viên Ban kiểm soát

Ông **Tổng Văn Thắng** : Ủy viên Ban kiểm soát

- **Ban Giám đốc:**

1- Tổng Giám đốc Công ty:

Tổng Giám đốc Công ty là người đại diện của Công ty trong việc điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh theo Điều lệ về tổ chức và hoạt động, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị. Tổng Giám đốc Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và miễn nhiệm. Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2- Kế toán trưởng Công ty:

Kế toán trưởng của Công ty giúp Tổng Giám đốc Công ty chỉ đạo và tổ chức thực hiện công tác kế toán, tài chính của Công ty theo quy định của pháp luật.

- **Các phòng ban chức năng:** Gồm các phòng, ban có chức năng tham mưu và giúp việc cho Ban Giám đốc, trực tiếp điều hành theo chức năng chuyên môn

và chỉ đạo của Ban Giám đốc. Khối tham mưu của Công ty gồm Phòng Quản trị kinh tế, Phòng Kinh doanh, Phòng Kế toán, Phòng Tổ chức hành chính, Phòng Xuất nhập khẩu và thị trường, Phòng Đầu tư và Quản lý dự án.

Các phòng ban với chức năng cơ bản như sau:

1- Phòng Quản trị Kinh tế

Là phòng tham mưu chức năng tổng hợp của Tổng Giám đốc Công ty trong lĩnh vực quản lý kế hoạch, đầu tư, giá cả. Cụ thể như sau:

- Xây dựng định hướng Marketing, mô hình bán hàng, kế hoạch kinh doanh, cơ chế chính sách phục vụ công tác tiêu thụ thép trong từng thời kỳ, kế hoạch quảng cáo và xây dựng thương hiệu Công ty;
- Thực hiện công tác quảng cáo, xây dựng thương hiệu thép Nam Vang theo định hướng của Công ty;
- Giải quyết các vấn đề liên quan đến công tác khách hàng.

2- Phòng Kinh doanh

Là phòng tham mưu chức năng tổng hợp của Tổng Giám đốc Công ty trong lĩnh vực quản lý khách hàng, hợp đồng kinh tế và thanh quyết toán các hợp đồng kinh tế trong nước, trực tiếp tham gia bán hàng, đấu thầu cung ứng cho công trình, phát triển khách hàng.

3- Phòng Tổ chức hành chính

Phòng Tổ chức hành chính là tổ chức bộ máy quản lý của Công ty có chức năng tham mưu và tổ chức thực hiện trong công tác tổ chức (tổ chức sản xuất, tổ chức quản lý..v.v..), công tác cán bộ, công tác lao động tiền lương, công tác kỷ luật, bảo vệ chính trị nội bộ Công ty. Tham mưu và tổ chức thực hiện trong lĩnh vực đối ngoại, quản lý tác nghiệp hành chính và công tác tuyên truyền thi đua – khen thưởng của Công ty, các chính sách đối với người lao động của Công ty.

4- Phòng Tài chính - Kế toán

Phòng Tài chính - Kế toán là phòng chức năng tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty trong lĩnh vực quản lý tài chính - kế toán theo Pháp luật của Nhà nước nhằm khai thác, huy động và sử dụng vốn sản xuất kinh doanh có hiệu quả nhất. Nội dung cơ bản bao gồm:

- Hàng tháng lập kế hoạch tài chính cho Công ty;

- Lập kế hoạch tài chính – đầu tư và tín dụng ngắn, trung và dài hạn cho Công ty;
- Xây dựng quy chế thanh toán nội bộ;
- Thực hiện công tác quản lý và sử dụng vốn;
- Phối hợp với Phòng kế hoạch đầu tư để xây dựng chi phí sản xuất và đánh giá sản phẩm;
- Thực hiện công tác kế toán vật tư;
- Theo dõi và quản lý tài sản cố định của Công ty;
- Thực hiện công tác kế toán tiền lương, bảo hiểm và các khoản chi phí khác cho người lao động;
- Tổ chức thực hiện mạng lưới thống kê.

5 – Phòng Xuất nhập khẩu – Thị trường:

Phòng Xuất nhập khẩu – Thị trường là phòng chức năng tham mưu và quản lý danh mục khách hàng cho Tổng Giám đốc Công ty về các công việc xuất nhập khẩu (chủ yếu là nhập khẩu thép đầu vào). Phòng đồng thời có chức năng nghiên cứu thị trường, tìm đối tác chiến lược đầu vào và đầu ra cho Công ty.

6- Phòng Đầu tư và Quản lý dự án:

Phòng Đầu tư và Quản lý dự án là phòng chức năng tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty về việc đầu tư và quản lý các dự án liên doanh, liên kết với đơn vị bạn, đối tác chiến lược và đầu tư tài chính, bất động sản khi công ty mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, quản lý đầu tư nội bộ.

6. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của công ty; danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; cơ cấu cổ đông

- *Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty tại thời điểm 03/12/2007:*

TÊN CỔ ĐÔNG	ĐỊA CHỈ	SỐ CỔ PHẦN	GIÁ TRỊ (VNĐ)	TỶ LỆ (%)
Lê Văn Vang	Số 68 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội	6.290.000	62.900.000.000	39,3
Phạm Văn Thụ	Cụm 6 Quán Trữ, quận	1.668.000	16.680.000.000	10,4

	Kiến An, thành phố Hải Phòng			
Mai Thị Dần	Số 80C Đê La Thành, Hà Nội	846.000	8.460.000.000	5,3
TỔNG CỘNG		8.804.000	88.040.000.000	55

- **Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ** (Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103017064 ngày 02/5/2007):

TT	TÊN CỔ ĐÔNG	HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ	SỐ CMND	SỐ CỔ PHẦN	GIÁ TRỊ (VNĐ)	TỶ LỆ (%)
1	Lê Văn Vang	Số 68 Hoàng Hoa Thám, phường Thụy Khuê, quận Tây Hồ, Hà Nội	011501893	6.000.000	60.000.000.000	37,50
2	Đặng Thị Nhân	Số 76 Nguyễn Trường Tộ, phường Trúc Bạch, quận Ba Đình, Hà Nội	0104732206	500.000	5.000.000.000	3,125
3	Bùi Thị Lý	Trạm vật liệu xây dựng, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội	011443649	200.000	2.000.000.000	1,25
4	Phạm Văn Thu	Cụm 6 Quán Trữ, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng		1.600.000	16.000.000.000	10
5	Mai Thị Dần	Số 80C Đê La Thành, Hà Nội	010501611	800.000	8.000.000.000	5,00

6	Đỗ Hữu Thăng	Số 12B Vân Hồ 2, phường Lê Đại Hành, thành phố Hà Nội	011773441	600.000	6.000.000.000	3,75
TỔNG CỘNG				9.700.000	97.000.000.000	60,625

• **Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 03/12/2007:**

DANH MỤC	SỐ LƯỢNG SỞ HỮU (CP)	GIÁ TRỊ (VNĐ)	TỶ LỆ (%)
Tổng số vốn chủ sở hữu	16.000.000	160.000.000.000	100
1. Cổ đông trong nước:	15.850.000	158.500.000.000	99
- Cá nhân:	15.800.000	158.000.000.000	98,75
- Tổ chức:	50.000	500.000.000	0,25
2. Cổ đông nước ngoài:	150.000	1.500.000.000	1
- Cá nhân:	140.000	1.400.000.000	0,875
- Tổ chức:	10.000	100.000.000	0,125

7. Danh sách những Công ty con, Công ty liên kết của tổ chức đăng ký niêm yết:

7.1. Danh sách Công ty con của Tổ chức đăng ký niêm yết:

✓ **Công ty TNHH Thương mại Thống Nhất:**

- Địa chỉ trụ sở chính: Km 92 đường 5 (mới), xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.
- Điện thoại: 031.3749573 Fax: 031.3749573
- Ngành nghề kinh doanh:
 - Sản xuất và kinh doanh sản phẩm đệm mút xốp, đệm lò so;
 - Sản xuất, gia công hàng may mặc xuất khẩu;
 - Sản xuất, kinh doanh nấu, luyện, cán kéo sắt thép;
 - Kinh doanh vật tư, sắt thép, kim khí, kinh doanh bất động sản, kho, bãi;
 - Dịch vụ xuất nhập khẩu;
 - Mua bán ô tô, tàu thủy;
 - Lắp ráp, hoán cải, đóng mới, sửa chữa ô tô, xe máy;
 - Kinh doanh vận tải hàng hóa, hành khách thủy – bộ.

- Vốn điều lệ: 5.000.000.000 đồng.
 - Tỷ lệ nắm giữ vốn của Công ty CP Nam Vang: 5.000.000.000 đồng (tương ứng với 100%).
- ▼ **Công ty cổ phần Công nghiệp – Xây dựng và Thương mại Nam Lý:**
- Địa chỉ trụ sở chính: Km 92, đường 5 mới, xã Nam Sơn, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.
 - Điện thoại: 031.589035;589034/Fax: 031.589029
 - Ngành nghề kinh doanh:
 - Sản xuất, gia công cơ khí. Sản xuất vật liệu xây dựng. Hoán cải sửa chữa phương tiện vận tải thủy bộ;
 - Xây dựng dân dụng, công nghiệp, trang trí nội thất và san lấp mặt bằng;
 - Kinh doanh kim khí, sắt thép, vật tư, điện tử, điện máy, thiết bị công nghiệp, tư liệu tiêu dùng, tư liệu sản xuất, thứ phẩm, xăng dầu, nhớt, phế thải, thủ công mỹ nghệ, nông sản, lâm sản (trừ mặt hàng nhà nước cấm), thủy hải sản;
 - Mua bán và phá dỡ tàu cũ. Mua bán phương tiện vận tải thủy bộ (ô tô, xe máy, tàu thủy);
 - Vận tải hàng hóa thủy bộ.
(Doanh nghiệp chỉ được hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của Nhà nước)
 - Vốn điều lệ: 6.800.000.000 đồng.
 - Vốn góp của Công ty CP Nam Vang: 6.750.000.000 đồng (tương ứng với 99,26%).
- ▼ **Công ty TNHH Thương mại sản xuất An Thái Hòa**
- Tên giao dịch: An Thai Hoa Co.,LTD
 - Địa chỉ trụ sở chính: C11/5 Ấp 3 Quốc lộ 1, Thị trấn Tân Túc, Huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.
 - Ngành nghề kinh doanh:
 - Mua bán sắt thép, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội ngoại thất, nguyên liệu, vật tư, sản phẩm ngành nhựa, que hàn;
 - Sản xuất que hàn (không sản xuất tại thành phố Hồ Chí Minh), các loại sản phẩm nhựa gia dụng, công nghiệp (không tái chế phế thải nhựa)
 - Cắt, dập sóng tôn.
 - Vốn điều lệ 6.000.000.000 đồng .

- Tỷ lệ nắm giữ vốn của Công ty CP Nam Vang là 6.000.000.000 đồng (tương ứng với 100%).

7.2. Danh sách Công ty liên kết của Tổ chức đăng ký niêm yết:

✓ Công ty CP Nam Vang Hasa:

- Vốn điều lệ: 14.000.000.000 đồng.
- Tỷ lệ cổ phần Công ty CP Nam Vang góp: 3.640.000.000 đồng (tương ứng với 26%).
- Địa chỉ: Xã Tân Liên, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn.
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất cát sỏi.

✓ Công ty TNHH Gạch ngói Nam Vang:

- Vốn điều lệ: 8.400.000.000 đồng.
- Tỷ lệ nắm giữ vốn của Công ty CP Nam Vang: 2.500.000.000 đồng (tương ứng với 29,76%).
- Địa chỉ: Xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.
- Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất gạch ngói.

8. Hoạt động kinh doanh

8.1. Sản lượng sản phẩm qua các năm

a. Mặt hàng kinh doanh chính:

Sản phẩm kinh doanh chính của Công ty trong những năm vừa qua chủ yếu là mặt hàng thép công nghiệp các loại với tỷ trọng chiếm hơn 95% doanh thu toàn Công ty. Dưới đây là phân loại các mặt hàng kinh doanh chủ yếu của Công ty:

✓ Thép cán nóng

§ Thép lá cuộn cán nóng:

- Độ dày : 1,2 mm - 25,0 mm
- Độ rộng : 750 mm - 1800 mm
- Tiêu chuẩn: ASTM (Mỹ) ; JIS (Nhật) ; GOST (Nga) ; GB (Trung Quốc)

§ Thép băng cuộn cán nóng:

- Độ dày : 1,0 mm - 12,0 mm
- Độ rộng : 160 mm - 600 mm
- Tiêu chuẩn : ASTM (Mỹ) ; JIS (Nhật) ; GOST (Nga) ; GB (Trung Quốc)



Thép cuộn cán nóng

▼ Thép cán nguội

§ Thép lá cuộn cán nguội:

- Độ dày : 0,3 mm - 3,0 mm
- Độ rộng : dưới 1500 mm
- Tiêu chuẩn : ASTM (Mỹ) ; JIS (Nhật) ; GOST (Nga) ; GB (Trung Quốc)

§ Thép băng cuộn cán nguội:

- Độ dày : 0,3 mm - 3,0 mm
- Độ rộng : dưới 600 mm
- Tiêu chuẩn : ASTM (Mỹ) ; JIS (Nhật) ; GOST (Nga) ; GB (Trung Quốc)



Thép cuộn cán nguội

▼ Thép tấm

- Độ dày : 3,0 mm - 100,0 mm
- Độ rộng : 750 mm - 2800 mm
- Độ dài : 6000 mm - 12000 mm
- Tiêu chuẩn : ASTM (Mỹ) ; JIS (Nhật) ; GOST (Nga); GB (Trung Quốc)



Thép tấm

▼ Thép hình**§ Thép góc:**

- Chiều cao : 30 mm - 400 mm
- Chiều rộng : 30 mm - 400 mm
- Độ dày : Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
- Tiêu chuẩn : ASTM (Mỹ) ; JIS (Nhật) ; GOST (Nga); GB (Trung Quốc); TCVN (Việt Nam).

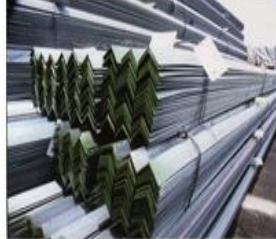
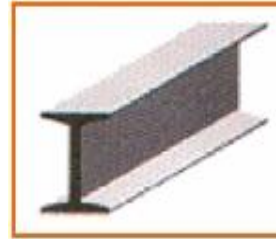
§ Thép hình chữ U:

- Chiều cao : 30 mm - 400 mm
- Chiều rộng : 30 mm - 400 mm
- Độ dày : Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
- Tiêu chuẩn : ASTM (Mỹ) ; JIS (Nhật) ; GOST (Nga) ; GB (Trung Quốc); TCVN (Việt Nam)

§ Thép hình chữ I và H:

- Chiều cao : 80 mm - 800 mm

- Chiều rộng : 80 mm - 400 mm
- Độ dày : 3mm – 25 mm
- Tiêu chuẩn : ASTM (Mỹ) ; JIS (Nhật) ; GOST (Nga); GB (Trung Quốc); TCVN (Việt Nam).

**Thép hình H****Thép hình V****Thép hình I****Thép ống****§ Thép cọc cừ:**

- Quy cách : Loại III , IV ...
- Độ dày : Theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất.
- Tiêu chuẩn : ASTM (Mỹ); JIS (Nhật).

Với những loại thép có xuất xứ từ Nhật Bản, SNG, Ấn Độ, Nam Phi, Hàn Quốc, Đài Loan, Việt Nam..., từ chất lượng đặc biệt đến thông thường, các công trình công nghiệp, giao thông, kết cấu thép, chế tạo thiết bị, sản xuất hàng kim khí tiêu dùng, Công ty CP Nam Vang đã cung cấp vì chất lượng công trình, đảm bảo đúng tiến độ, hiệu quả và an toàn cho các doanh nghiệp.

Trong những năm qua, Công ty CP Nam Vang đã cung cấp thép công nghiệp cho các Công ty và Tổng công ty lớn trên cả nước như: Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy Việt Nam (Vinashin), Tổng công ty lắp máy Việt Nam (Lilama), Tổng công ty Xây dựng và phát triển hạ tầng (Licogi), các Tổng công ty xây dựng công trình giao thông (Cienco), các công ty xây lắp điện... Một phần sản phẩm thép công nghiệp của Công ty CP Nam Vang được bán ra dưới dạng xuất khẩu tại chỗ đó là bán cho các công ty tại các Khu công nghiệp.

Một số công trình tiêu biểu sử dụng các sản phẩm thép công nghiệp của Nam Vang như: Công trình cầu Phù Đổng, cầu Bãi Cháy, cầu Thanh Trì, cầu Vĩnh Tuy, Nhà máy Nhiệt điện Phả Lại, Nhà máy Thủy điện Sơn La, đường dây điện 500kV Bắc Nam, một số tàu lớn của Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy Việt Nam, nhà

thép tiền chế của các nhà máy cơ khí Đông Anh, Sông Đà Jurong, Công ty liên doanh Việt Hàn...

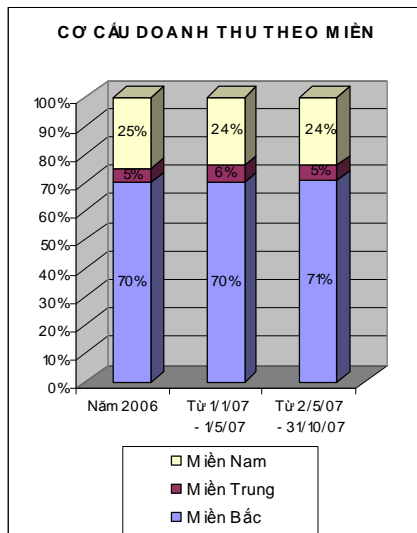
b. Doanh thu thuần theo mặt hàng kinh doanh

▼ Cơ cấu doanh thu thuần phân theo miền:

Đơn vị tính: VNĐ

TT	MIỀN	Từ 01/1/06 đến 31/12/2006	Tỷ trọng (%)	Từ 1/1/07 đến 1/5/2007	Tỷ trọng (%)	Từ 2/5/07 đến 31/10/2007	Tỷ trọng (%)
1	Miền Bắc	853.151.458.778	70	338.461.495.944	70	598.638.808.564	71
2	Miền Trung	60.939.389.912	5	29.010.985.367	6	42.157.662.575	5
3	Miền Nam	304.696.949.564	25	116.043.941.467	24	202.356.780.360	24
	Tổng cộng	1.218.787.798.254	100	483.516.422.778	100	843.153.251.499	100

(Nguồn: BCTC năm 2006 và BCTC từ 01/01/2007 đến 01/5/2007 có kiểm toán của Cty TNHH Nam Vang, BCTC hợp nhất từ 02/5/2007 đến 31/10/2007 có kiểm toán của Cty CP Nam Vang)



Nhìn vào cơ cấu doanh thu của Công ty theo miền ta có thể thấy được doanh thu của Công ty chủ yếu tập trung ở các tỉnh phía Bắc (chiếm 70%), miền Trung và Miền Nam còn khá ít. Nguyên nhân là do trong những năm qua, Công ty chủ yếu tập trung phát triển thị trường và khách hàng ở các tỉnh phía Bắc, nơi có các các nhà máy pha cắt và định hình thép, chi nhánh lớn của Nam Vang. Ở Miền Nam mới có 01 chi nhánh và 01 công ty con. Chiến lược phát triển trong tương lai của Nam Vang là mở rộng địa bàn hoạt động tại các tỉnh Miền Trung, đặc biệt là Miền Nam, nơi nhu cầu về thép công nghiệp rất lớn của cả nước và cũng là thị trường đầy tiềm năng cho các doanh nghiệp kinh doanh thép công nghiệp nói riêng và kinh doanh các sản phẩm thép nói chung.

▼ Cơ cấu doanh thu thuần phân theo mặt hàng kinh doanh:

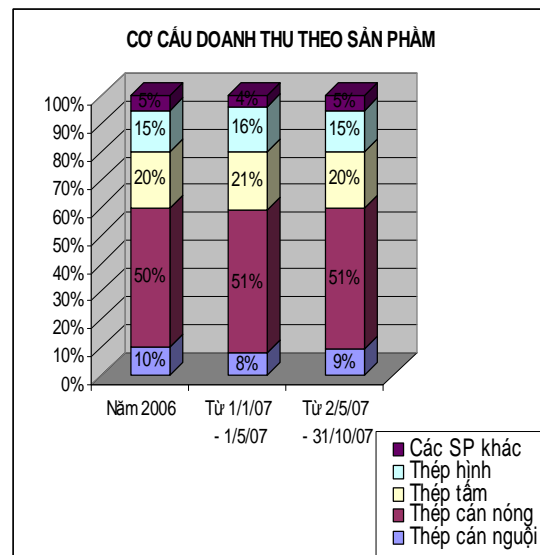
Đơn vị tính: VND

TT	Sản phẩm	Từ 01/1/06 đến 31/12/2006	Tỷ trọng (%)	Từ 01/1-07 đến 1/5/2007	Tỷ trọng (%)	Từ 02/5/07 đến 31/10/07	Tỷ trọng (%)
1	Thép cán nguội	121.878.779.825	10	38.681.313.822	8	75.883.792.635	9
2	Thép cán nóng	609.393.899.127	50	246.593.375.617	51	430.008.158.264	51
3	Thép tấm	243.757.559.651	20	101.538.448.783	21	168.630.650.300	20
4	Thép hình	182.818.169.738	15	77.362.627.644	16	126.472.987.725	15
5	Các SP khác	60.939.389.913	5	19.340.656.912	4	42.157.662.575	5
	Tổng cộng	1.218.787.798.254	100	483.516.422.778	100	843.153.251.499	100

(Nguồn: BCTC năm 2006 và BCTC kiểm toán từ 01/01/2007 đến 01/5/2007 của Cty TNHH Nam Vang, BCTC hợp nhất từ 02/5/2007 đến 31/10/2007 có kiểm toán của Công ty CP Nam Vang)

Doanh thu phân theo mặt hàng kinh doanh của

Công ty tập trung phần lớn ở các mặt hàng thép tấm cán nóng và cán nguội, một phần thép hình. Trong đó, sản phẩm thép cán nóng chiếm tỷ trọng hơn 50% doanh thu của Công ty. Thép cán nóng là sản phẩm thép chủ yếu dùng trong các ứng dụng như chế tạo thiết bị hạng nặng, xây dựng, xây lắp cơ bản. Thép cán nguội là sản phẩm thép chủ yếu dùng trong các ứng dụng có tính tinh



xảo, đòi hỏi tính chất vật lý và hóa học bền vững, chất lượng cao như vỏ ô tô, tàu thuyền... Trong tương lai, Công ty tập trung nhiều vào các sản phẩm thép cán nguội để cung cấp cho ngành công nghiệp sản xuất phương tiện giao thông vận tải như sản xuất ô tô, đóng tàu...

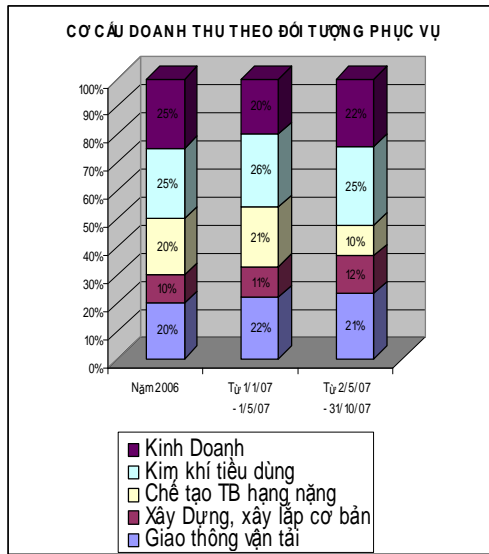
▼ Cơ cấu doanh thu thuần phân theo đối tượng phục vụ:

Đơn vị tính: VND

TT	Đối tượng phục vụ	Từ 01/1/06 đến 31/12/2006	Tỷ trọng (%)	Từ 1/1/07 đến 01/5/07	Tỷ trọng (%)	Từ 2/5/07 đến 31/10/07	Tỷ trọng (%)
1	Giao thông vận tải	243.757.559.651	20	106.373.613.011	22	177.062.182.815	21
2	Xây dựng, xây lắp cơ bản	121.878.779.825	10	53.186.806.506	11	101.178.390.180	12

3	Chế tạo TB hạng nặng	243.757.559.650	20	101.538.448.783	21	168.630.650.300	20
4	Kim khí tiêu dùng	304.696.949.564	25	125.714.269.922	26	210.788.312.874	25
5	Kinh doanh	304.696.949.564	25	96.703.284.556	20	185.493.715.330	22
	TỔNG CỘNG	1.218.787.798.254	100	483.516.422.778	100	843.153.251.499	100

(Nguồn: BCTC năm 2006 và BCTC kiểm toán từ 01/01/2007 đến 01/5/2007 của Cty TNHH Nam Vang, BCTC hợp nhất từ 02/5/2007 đến 31/10/2007 có kiểm toán của Công ty CP Nam Vang)



Công ty CP Nam Vang cung cấp các sản phẩm thép công nghiệp cho hầu hết các đối tượng sử dụng thép công nghiệp như phương tiện giao thông vận tải, xây dựng, xây lắp cơ bản, chế tạo thiết bị hạng nặng, hàng kim khí tiêu dùng. Cơ cấu doanh thu phân theo đối tượng phục vụ khá đồng đều do đối tượng khách hàng của Công ty rất phong phú, từ các Công ty, Tổng công ty thuộc bộ Giao thông vận tải, Bộ Công nghiệp các doanh nghiệp sản xuất hàng cơ khí, Công ty chế tạo kim khí tiêu dùng, các

cơ sở doanh nghiệp kinh doanh thép tại địa phương.

8.2. Nguồn cung cấp hàng hóa của Công ty

Công ty CP Nam Vang là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại nên đầu vào chủ yếu là thép công nghiệp. Nguồn sản phẩm đầu vào này chủ yếu được nhập khẩu từ nước ngoài và một phần mua từ các nhà cung cấp trong nước. Công ty xây dựng các tiêu chí đánh giá và lựa chọn nhà cung ứng đối với từng chủng loại sản phẩm nhằm đảm bảo nguồn sản phẩm đầu vào phù hợp về chất lượng, giá cả và đáp ứng được nhu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty.

Các nhà cung cấp chính của Công ty:

Stt	Nhà cung cấp	Mặt hàng	Địa chỉ
01	Tập đoàn Thép Liễu Châu	Thép tấm, thép cuộn cán nóng, thép cuộn cán nguội	Trung Quốc
02	Tập đoàn ZMI (Zhejiang Materials Industry)	Thép tấm, thép cuộn cán nguội, thép lá cán nguội.	Trung Quốc
03	Tập đoàn RIZHW	Thép cuộn cán nóng, thép hình	Trung Quốc

04	Tập đoàn Stencor (S.E.A)	Thép tấm, thép cuộn cán nóng, thép lá cán nguội	Singapore
05	Tập đoàn Nipon Steel	Thép cuộn cán nóng	Nhật
06	Tập đoàn Corus International	Thép cuộn cán nóng	Anh
07	Tập đoàn CMC International	Thép cuộn cán nguội	Thụy sỹ
08	Tập đoàn IPC – Việt Nam	Thép tấm	Singapore
09	Tập đoàn Burwill Resources	Thép tấm, thép cuộn cán nóng	Hồng Kông
10	Tập đoàn Salzgitter Mannesmann	Thép tấm, thép cuộn, thép hình	Singapore

Nguồn: Công ty CP Nam Vang

▼ Sự ổn định của các nguồn cung cấp này:

Sự ổn định của nguồn cung cấp sản phẩm đầu vào của Nam Vang phụ thuộc rất nhiều vào yếu tố cung và cầu của thị trường trong nước và nước ngoài cũng như định hướng phát triển của Chính phủ Việt Nam đối với mặt hàng này. Nguồn cung sản phẩm thép của Nam Vang chủ yếu từ 2 nguồn là nhập khẩu và các nhà máy sản xuất trong nước.

Đối với nguồn đầu vào trong nước (chiếm 20% nguồn đầu vào): Các nhà cung cấp chính của Nam Vang là: Nhà máy Gang thép Thái Nguyên (chiếm khoảng 5 – 7%) và các đối tượng khác. Đây là những nhà sản xuất thép công nghiệp khá lớn của Việt Nam. Tuy nhiên, hiện nay các doanh nghiệp sản xuất thép trong nước đang gặp khó khăn do giá thép thế giới tăng cao, ảnh hưởng của việc tăng giá nguồn liệu đầu vào trong nước như điện, than, thép phế liệu. Ngoài ra, giá phôi thép nhập khẩu lên cao khiến các doanh nghiệp trong nước khó có thể mua phôi thép về để sản xuất vì giá thành sản xuất thép sẽ đẩy lên cao. Trong khi đó, lượng phôi thép nhập khẩu từ bên ngoài vào Việt Nam chiếm tới 80%. Do vậy, để ổn định được sự phát triển của ngành thép về lâu dài phải chủ động được nguồn phôi thép. Các doanh nghiệp phải nâng cao năng lực sản xuất phôi thép trong nước. Sắp tới một số nhà máy sản xuất phôi chuẩn bị hoàn thành và đi vào sản xuất. Do đó, trong tương lai, nguồn cung cấp thép thành phẩm trong nước sẽ ổn định hơn.

Đối với nguồn đầu vào nhập khẩu (chiếm 80% nguồn đầu vào), các nhà cung cấp chính của Nam Vang là: Trung Quốc (chiếm 50% và toàn bộ là hàng Trung ương), Nhật, Nga, Anh, Hàn Quốc, Nam Phi, Thái Lan, Ukraina... Theo số liệu của International Iron and Steel Institute (ISSI): sản lượng thép năm 2006 đạt 1.239 triệu tấn, tăng 8,8% so với năm 2005, năm 2005 đạt 1.129 triệu tấn, năm 2004, sản lượng thép là 1.057 triệu tấn, tăng 11,65% so với năm 2003. Dự đoán nhu cầu tiêu thụ thép trong năm 2007 sẽ tăng khoảng 5,9%. Đây là mức tăng trưởng khá cao, chủ yếu nhờ mức tăng sản lượng của Trung Quốc và một số nước châu Á. Đây là năm thứ ba liên tiếp sản lượng thép toàn cầu vượt ngưỡng 1 tỷ tấn.

Châu Á đã chiếm 53,7% sản lượng thép trên thế giới trong năm 2006, so với mức 41,66% năm 2001 và 8,4% năm 1996. Thị trường thép sẽ tiếp tục tăng trưởng phục vụ cho nhu cầu xây dựng và phát triển công nghiệp. Dưới đây là tốc độ tăng trưởng và sản lượng một số thị trường thép lớn trên thế giới trong năm 2005 và 2006:

Đơn vị : triệu tấn

Quốc gia	2005	2006	Tỷ lệ thay đổi (%)
China	355.8	418.8	17.7
Japan	112.5	116.2	3.3
USA	94.9	98.5	3.8
Russia	66.1	70.6	6.8
South Korea	47.8	48.4	1.3
Germany	44.5	47.2	6.1
India	40.9	44.0	7.6
Ukraine	38.6	40.8	5.7
Italy	29.4	31.6	7.5
Brazil	31.6	30.9	-2.2

Nguồn: website của Viện Sắt thép thế giới ISSI : www.worldsteel.org

Xác định được mục tiêu trở thành nhà cung cấp có tính chuyên sâu các sản phẩm về thép phục vụ sản xuất công nghiệp và xây dựng công nghiệp nặng, Công ty CP Nam Vang đã chủ động tìm kiếm các đối tác Nhật Bản, Hàn Quốc, Châu Âu và một số tập đoàn thuộc khối ASEAN. Các mặt hàng nhập khẩu của công ty được các đối tác bảo đảm phù hợp với nhu cầu tại Việt Nam.

Sau khi nghiên cứu đi sâu vào nhu cầu tiêu thụ của các nhà sản xuất công nghiệp, Nam Vang đẩy mạnh việc cung ứng các sản phẩm thép lá cán nóng và thép lá cán nguội. Nam Vang là một trong những nhà cung cấp đầu tiên các sản phẩm thép này tại Việt Nam, đây là bước đi hết sức sáng tạo của Công ty trong thời kỳ khởi nghiệp bởi thị trường Việt Nam khi đó chưa có doanh nghiệp nào kinh doanh mặt hàng này. Với khả năng đáp ứng của các nhà cung cấp Nhật Bản, Nga, Ucraina, Kazacstan... và sức tiêu thụ sản phẩm rất mạnh của Công ty, Nam Vang liên tục mở rộng xây dựng các trung tâm pha cắt và định hình thép thỏa mãn nhu cầu ngày càng tăng của thị trường.

Thấy được những thành công của Công ty CP Nam Vang, các tập đoàn thép hàng đầu thế giới như: Nippon Steel, CMC (Thụy Sĩ), Posco (Hàn Quốc)... đã

thiết lập các mối quan hệ là nhà cung cấp ổn định, giá cả hợp lý, chủng loại đa dạng, phù hợp với nhu cầu thép của thị trường. Do đó, Nam Vang có khả năng mở rộng thị trường: từ mức tiêu thụ 10.000 tấn/năm, sau 10 năm, con số đó đã đạt mức 100.000 tấn/năm và 10 tháng năm 2007 đạt 180.000 tấn/năm.

▼ Ảnh hưởng của giá cả đầu vào tới doanh thu, lợi nhuận:

Công ty CP Nam Vang là doanh nghiệp có doanh thu hàng năm rất lớn. Tuy nhiên, hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp rất dễ biến động do sự biến động của nguồn nguyên liệu đầu vào, chủ yếu là thép thành phẩm.

Trong những năm gần đây, sự biến động giá thép công nghiệp theo chiều hướng ngày càng tăng khiến chi phí sản xuất của công ty tăng dần qua các năm gây khó khăn cho các công ty thương mại thép nói chung và Công ty cổ phần Nam Vang nói riêng. Tuy nhiên, với lợi thế có được là nguồn cung cấp ổn định, giá cả phải chăng nên sức ép từ việc giá đầu vào cao đối với Nam Vang không lớn.

8.2. Chi phí sản xuất

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Chi phí SXKD	Từ 01/1/06 đến 31/12/2006	Tỷ trọng (%)	Từ 01/1/07 đến 01/5/07	Tỷ trọng (%)	Từ 02/5/07 đến 31/10/2007	Tỷ trọng (%)
1	Chi phí giá vốn hàng bán	1.169.125.459.623	97,287	441.167.162.954	90,506	788.053.068.529	96,036
2	Chi phí hoạt động tài chính	7.274.973.603	0,605	28.151.267.902	5,775	21.842.691.292	2,662
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25.312.919.104	2,107	18.004.351.417	3,694	9.036.439.816	1,101
4	Chi phí khác	12.406.795	0,001	122.196.856	0,025	1.650.861.927	0,201
	Tổng cộng	1.201.725.759.125	100		100		100

(Nguồn: BCTC năm 2006 và BCTC từ 01/01/2007 đến 01/5/2007 có kiểm toán của Cty TNHH Nam Vang, BCTC hợp nhất từ 02/5/2007 đến 31/10/2007 có kiểm toán của Cty CP Nam Vang)

Trong hoạt động kinh doanh thương mại, việc giảm chi phí phần lớn phụ thuộc vào giá cả đầu vào, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp nhằm đảm bảo cho hoạt động của Công ty luôn ổn định, mang lại hiệu quả kinh tế cao.

Công ty CP Nam Vang là nhà phân phối thép có uy tín và thị phần lớn, được các nhà sản xuất các sản phẩm thép dành cho một số ưu đãi về lượng, về tín dụng và chế độ chăm sóc khách hàng... Do đó, Công ty luôn có ưu thế cạnh tranh nhất định đối với các doanh nghiệp hoạt động trong cùng lĩnh vực, được xếp vào hàng ngũ những Công ty hoạt động có hiệu quả và có uy tín trong lĩnh vực phân phối thép công nghiệp.

8.3. Trình độ công nghệ

Công ty cổ phần Nam Vang nhập các sản phẩm thép công nghiệp và bán cho các doanh nghiệp khác. 60% sản phẩm nhập về có qua pha cắt và định hình phục vụ cho từng nhu cầu cụ thể của khách hàng. Khi đó, khách hàng sẽ không phải đầu tư máy móc và thiết bị để gia công thép mà sẽ sử dụng ngay sản phẩm của công ty để thi công, sản xuất. Do đó, các khách hàng của Công ty sẽ tiết kiệm được chi phí trong sản xuất, kinh doanh.

Công ty có Nhà máy pha cắt và định hình thép ở Trung tâm kinh doanh thép Nam Hải và Trung tâm kinh doanh thép Nam Hồng ở Hà Nội, các nhà máy ở chi nhánh Hải Phòng, TP. HCM. Các nhà máy này có các dây truyền cắt thép, sản thép, định hình thép hiện đại được nhập khẩu từ Nhật Bản phục vụ cho việc pha cắt các sản phẩm thép lá cán nóng, thép lá cán nguội, thép hình, thép tấm. Các dây truyền này được đánh giá là có chất lượng quốc tế. Một số máy có tính năng khác biệt, góp phần làm tăng giá trị hàng hóa sau khi pha cắt.

Một số máy móc thiết bị gia công và định hình thép của Công ty:

Dây truyền máy cắt thép cuộn cán nguội tự động được chế tạo tại Nhật Bản



Dây truyền máy cắt thép cuộn cán nóng được chế tạo tại Nhật Bản



Máy cắt thép KANSAI được chế tạo tại Nhật Bản



Máy sản thép AMADA được chế tạo tại Nhật Bản

8.4. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Các sản phẩm thép công nghiệp của Công ty được nhập khẩu. Mỗi lô sản phẩm thép nhập khẩu đều có giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa và đạt tiêu chuẩn về chất lượng hàng hóa của quốc gia xuất khẩu thép công nghiệp như JIS (Nhật Bản), GB (Trung Quốc), ASTM (Mỹ), GOST (Nga)... Khi hàng về đến cảng Việt Nam, chất lượng sản phẩm thường được giám định bởi Công ty CP Giám định Vina Control.

Đối với các sản phẩm thép công nghiệp được cung cấp bởi các đơn vị trong nước thì đều tuân thủ theo hệ thống quản lý chất lượng ISO.

Công tác quản lý chất lượng đối với các sản phẩm thép công nghiệp đã qua định hình tại các nhà máy pha cắt và định hình thép của Công ty được thực hiện bởi bộ phận KCS ở từng trung tâm, chi nhánh, còn ở phân xưởng thường có 1 người chuyên kiểm tra và người này thường là phó quản đốc phân xưởng. Bộ phận này bao gồm các kỹ sư để tiến hành kiểm tra theo đúng tiêu chuẩn về quy trình, quy cách.

8.5. Hoạt động Marketing

- Hoạt động quảng bá thương hiệu của Công ty CP Nam Vang được chú trọng nhằm tạo dựng thương hiệu mạnh với sứ mạng phát triển để đóng góp cho lợi ích xã hội và cộng đồng. Công ty sử dụng các đơn vị Marketing chuyên nghiệp hỗ trợ việc xây dựng các chương trình quảng bá thương hiệu thông qua việc quảng cáo trên các phương tiện thông tin đại chúng như: làm phóng sự truyền hình, quảng cáo dài hạn trên các báo như: Thời báo kinh tế Việt Nam, Diễn đàn doanh nghiệp, tạp chí công nghiệp, bản tin thương mại; hội nghị khách hàng, tổ chức các hoạt động tài trợ xã hội...
- Bên cạnh đó, với nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty trong việc mở rộng thị trường tiêu thụ, phát triển hệ thống phân phối và xây dựng thương hiệu Nam Vang được nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước biết đến.

▼ Hệ thống phân phối:

- Hệ thống phân phối của Công ty thông qua các chi nhánh, trung tâm của Công ty trải dài từ Bắc đến Nam. Hệ thống phân phối của Công ty được mở rộng phát triển từng bước vững chắc. Trong tương lai Công ty sẽ đẩy mạnh phát triển hệ thống phân phối tại thị trường phía Nam và phát triển ra các vùng lân cận, vùng xa.

- Mạng lưới phân phối: Ở các thành phố lớn, Công ty CP Nam Vang đều xây dựng kho chứa hàng, nhà xưởng và các thiết bị phục vụ kinh doanh gồm:
 - o Hà Nội: Có 03 đơn vị bán hàng với 02 trung tâm được trang bị máy móc đặc chủng, hệ thống kho hàng quản lý luôn được đảm bảo cung cấp thép tại Hà Nội và các tỉnh lân cận.
 - o Hải Phòng: 02 đơn vị bán hàng với 01 trung tâm được trang bị máy móc hiện đại và hệ thống kho hàng, đáp ứng nhu cầu thép cho các tỉnh Hải Phòng, Quảng Ninh, Hải Dương, Thái Bình, Nam Định...
 - o Công ty cũng có mạng lưới phân phối thép tại các tỉnh như Lạng Sơn, Hòa Bình, Sơn La, Bắc Ninh, Bắc Giang, Thái Nguyên, Vĩnh Phúc, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh...
 - o Ngoài ra, công ty cũng có các chi nhánh, công ty con tại TP.Hồ Chí Minh.

8.6. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

Logo Công ty:



Ngoài ra Công ty cũng đã đăng ký tên miền bằng địa chỉ: <http://www.namvang.com.vn>

9. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

9.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm 2006 và đến 31/10/2007

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Từ 01/1/2006 đến 31/12/ 2006	Từ 01/01/2007 đến 01/5/2007	Từ 02/05/2007 đến 31/10/2007
Tổng giá trị tài sản	501.642.344.308	545.999.976.233	855.628.318.881
Doanh thu thuần	1.218.787.798.254	483.516.422.778	843.153.251.499
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	17.082.134.122	1.812.932.544	31.752.455.230
Lợi nhuận khác	1.190.039.514	599.644.613	-693.610.649
Lợi nhuận trước thuế	18.272.173.636	2.412.577.157	31.058.844.581
Lợi nhuận sau thuế	16.826.650.506	726.590.926	22.400.619.781
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	-	-

(Nguồn: BCTC năm 2006 và BCTC từ 01/01/2007 đến 01/5/2007 có kiểm toán của Cty TNHH Nam Vang, BCTC hợp nhất từ 02/5/2007 đến 31/10/2007 có kiểm toán của Cty CP Nam Vang)

Ghi chú:

Ø Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành giai đoạn tài chính từ ngày 02/05/2007 đến ngày 31/10/2007 của Công ty cổ phần Nam Vang

Đơn vị tính: VND

TT	Chỉ tiêu	Văn phòng Công ty CP Nam Vang	Chi nhánh Hải Phòng	Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh	Cộng
1	Thu nhập trước thuế thu nhập doanh nghiệp	27.493.324.927	2.217.885.829	1.347.633.825	31.058.844.581
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	7.698.130.980	621.008.032	339.085.789	8.658.224.800

(Trong BCTC kiểm toán hợp nhất giai đoạn từ 02/5/2007 đến 31/10/2007, Thuế TNDN là 8.658.224.801 do số liệu bị làm tròn đến hàng đơn vị)

Ø Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2007 đến ngày 01/05/2007 của Công ty TNHH Nam Vang

Đơn vị tính: VND

TT	Chỉ tiêu	Văn phòng Công ty CP Nam Vang	Chi nhánh Hải Phòng	Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh	Cộng
1	Thu nhập trước thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.560.657.679)	6.021.379.395	(48.044.559)	2.412.677.157
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	1.685.986.231	-	1.685.986.231

Lưu ý: Các đơn vị thực hiện kê khai và nộp thuế riêng, không có bù trừ giữa các đơn vị

Ø Lợi nhuận khác trong giai đoạn từ 02/5/2007 đến 31/10/2007 âm là do chi phí khác lớn hơn thu nhập khác. Cụ thể như sau:

Đơn vị tính: VND

	Văn phòng công ty	CN Hải Phòng	CN Tp.HCM	Cộng	Loại trừ phần bán tài sản nội bộ	Số liệu trên BCTC hợp nhất
Thu nhập khác	959.139.279	80.473.092	72.888.907	1.112.501.278	155.250.000	957.251.278
Lãi tiền gửi	60.474.079			60.474.079		60.474.079
Bán tài sản cố định	871.392.200		72.888.907	944.281.107	155.250.000	789.031.079
Cho thuê xe ô tô	27.273.000			27.273.000		27.273.000
Tiền vận chuyển, lưu kho		80.473.092		80.473.092		80.473.092
Chi phí	1.727.327.602	5.895.418	72.888.907	1.806.111.927	155.250.000	1.650.861.927

khác						
Giá trị còn lại của TSCĐ đem bán và thanh lý	1.727.327.602		72.888.907	1.800.216.509	155.250.000	1.644.966.509
Thuế GTGT không được khấu trừ		5.895.418		5.895.418		5.895.418
Lợi nhuận khác						-693.610.649

9.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

✓ Thuận lợi

- Với tình hình kinh tế trong nước ngày càng phát triển, ngành công nghiệp trong nước ngày càng tăng trưởng mạnh mẽ. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho Công ty cung cấp thép bởi các nhà máy đó sẽ rất cần nhà cung cấp thép thành phẩm và sản phẩm cho họ.
- Hàng tồn kho của Công ty khá lớn và được ghi nhận trên cơ sở giá gốc. Bên cạnh đó, hàng mua đang trong quá trình vận chuyển, chưa về tới cảng Việt Nam với giá nhập khẩu thấp hơn giá hiện tại trên thị trường còn nhiều. Tổng lượng hàng tồn kho và đi đường của Công ty chiếm khoảng 30 % khối lượng thép công nghiệp toàn thị trường Việt Nam. Mặt khác, so với giá nhập tại thời điểm hiện tại thì mức giá mà Công ty nhập thấp hơn nhiều so với giá hiện tại. Do đó, Công ty luôn đảm bảo được nguồn hàng ổn định và đảm bảo có lãi khi hàng về tới Việt Nam.
- Thị trường của Công ty đang ngày càng được mở rộng, đặc biệt là ở thị trường Tp.HCM. Bên cạnh đó, một số dây chuyền pha cắt và định hình thép đang được triển khai đầu tư sẽ mang lại hiệu quả rất lớn, đồng thời mở rộng được ngành nghề kinh doanh.
- Phương châm “Cùng tồn tại – Cùng phát triển” được người lao động, Công ty, khách hàng thấu hiểu, phấn đấu thực hiện, góp phần tạo nên sự phát triển lớn mạnh và thịnh vượng của Công ty.
- Công ty đã xây dựng được đội ngũ cán bộ công nhân viên có kiến thức, làm việc có tính chuyên nghiệp và linh hoạt, trung thành với Công ty. Bên cạnh

đó, đội ngũ cán bộ công nhân viên được tuyển dụng và bồi dưỡng nghiệp vụ, kỹ năng quản lý, điều hành sản xuất phù hợp với điều kiện mới.

▼ Khó khăn

- Tác động của các chính sách, chế độ của Nhà nước đối với ngành thép nói riêng và các ngành kinh tế khác nói chung. Bên cạnh đó, do lĩnh vực thép công nghiệp trong nước chưa có nhiều doanh nghiệp tham gia sản xuất nên chưa được bảo hộ đối với các doanh nghiệp sản xuất thép trong nước nên đầu vào của Công ty chủ yếu là nhập khẩu, giá thành phụ thuộc vào thị trường thép thế giới.
- Công ty thường phải mất phí ủy thác là 1,5% cho đối tượng khác để lo vốn cho mình.
- Ngành kinh doanh thép công nghiệp ngày càng phát triển đa dạng, có nhiều thành phần kinh tế tham gia, tính cạnh tranh ngày càng gay gắt, phức tạp.
- Nền kinh tế thiếu vốn đáp ứng cho nhu cầu tồn trữ hàng hóa, thanh toán, nhu cầu đầu tư phát triển trong khi quan hệ mua bán trên xã hội chủ yếu là mua bán nợ.

10. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành**10.1. Vị thế của công ty trong ngành**

Công ty cổ phần Nam Vang là nhà phân phối thép công nghiệp lớn và có uy tín tại Việt Nam với thị phần chiếm khoảng 13% thép công nghiệp trong cả nước. Tốc độ tăng trưởng doanh thu hàng năm của công ty khá lớn. Thương hiệu Nam Vang đã khá quen thuộc với ngành thép nói chung và thép công nghiệp nói riêng. Một số thế mạnh của Công ty CP Nam Vang so với các doanh nghiệp khác hoạt động cùng ngành là:

- Là doanh nghiệp hàng đầu trong ngành thép công nghiệp, Công ty CP Nam Vang đã xây dựng một mạng lưới phân phối trải rộng trong cả nước và các ngành kinh tế kỹ thuật.
- Là nhà phân phối cho các thương hiệu thép uy tín như: Trung Quốc, Hàn Quốc, Singapore, Thụy Sỹ, Anh, SNG...
- Có mối quan hệ tốt với các tổ chức tín dụng như: Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam...
- Công ty đã có nhà máy pha cắt & định hình thép tại các trung tâm kinh doanh thép, các chi nhánh với các thiết bị, máy móc ưu việt mà hầu như các doanh

nghiệp khác còn thiếu hoặc chưa có được. Do đó, Công ty đã chủ động về sản phẩm và giá thành sản phẩm của Công ty rẻ hơn so với các công ty khác, quy cách hàng hóa theo yêu cầu của khách hàng.

- Với các mặt hàng thép đa dạng, phong phú với chất lượng thép thông thường đến thép chất lượng cao, vị thế của Công ty ngày càng được biết đến thông qua chính những người mua hàng.
- Công ty có lượng lao động ổn định, độ trung thành cao và có tay nghề được đào tạo tại chỗ tốt.
- Ban lãnh đạo Công ty là những người tâm huyết, có tầm nhìn và khả năng hoạch định chiến lược cho Công ty.
- Công ty có lượng khách hàng ổn định (có khoảng hơn 300 khách hàng trên cả nước) gắn bó với Công ty. Nhìn chung, số lượng khách hàng của Công ty hàng năm tăng khoảng 5% và khối lượng tăng 15-20%/năm.

Theo Vietnam Top 500 Private Companies 2007 (By Vnr500 - Vietnamnet), Công ty cổ phần Nam Vang được xếp hạng thứ 35 về Tổng tài sản và thứ 149 về Lợi tức trong 500 Doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam năm 2007.

✓ Phân tích SWOT của Công ty:

Ø Điểm mạnh

- Sản phẩm thép công nghiệp của Công ty khá đa dạng, có chất lượng và đạt tiêu chuẩn quốc tế.
- Đội ngũ nhân sự của Công ty có chuyên môn, giàu kinh nghiệm và tâm huyết đối với Công ty.
- Mạng lưới phân phối của Công ty lớn và rộng khắp trên toàn quốc.
- Nguồn lực tài chính mạnh, có quan hệ tốt với các tổ chức tín dụng có uy tín.
- Phương thức kinh doanh linh hoạt, hiệu quả.

Ø Điểm yếu:

- Sự tăng trưởng nhân sự về chất lượng và số lượng của Công ty chưa tương xứng với tốc độ tăng trưởng về quy mô của công ty. Trong những năm vừa qua, Công ty mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã tuyển dụng thêm rất nhiều nhân viên ở cả khối văn phòng cũng như kỹ sư, công nhân ở các nhà máy nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu về nhân sự. Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục tuyển dụng đội ngũ nhân sự có kinh nghiệm về ngành nghề của Công ty cũng như những nhân sự cao cấp để thực hiện các chiến lược phát triển kinh doanh.
- Mức độ nghiên cứu nhu cầu cụ thể của các doanh nghiệp tiêu thụ thép công nghiệp chưa được sâu. Đây cũng là điểm yếu chung của các doanh nghiệp Việt

Nam. Công ty hiện nay đang đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu thị trường để có thể cung cấp các sản phẩm thép phù hợp với nhu cầu cụ thể của các doanh nghiệp trên cả nước.

Ø Cơ hội

- Nền kinh tế của đất nước ngày càng phát triển, đặc biệt là ngành thép và ngành năng lượng. Nhìn chung, nhu cầu về thép tăng gấp đôi so với sự phát triển của nền kinh tế.
- Nền kinh tế tuy phát triển mạnh nhưng ngành sản xuất hàng cơ khí công nghiệp vẫn còn nhỏ bé, mới khởi sắc nên tạo nhiều cơ hội kinh doanh cho các doanh nghiệp trong ngành thép nói chung và Nam Vang nói riêng trong tương lai.
- Một số ngành công nghiệp trong nước sử dụng sản phẩm thép công nghiệp của Việt Nam ngày càng phát triển tạo điều kiện cho đầu ra của Công ty như ngành công nghiệp đóng tàu, cơ khí ô tô, xây lắp công nghiệp, công trình giao thông, kết cấu thép, kim khí tiêu dùng...
- Theo Hiệp hội Thép Việt Nam, một số nhà cung cấp quặng sắt cũng đang có ý định tăng giá quặng sắt lên thêm 50% nữa vào đầu năm 2008 do giá dầu thô tăng cao làm cho chi phí khai thác tăng. Bên cạnh đó, giá than cũng đang đòi tăng lên thêm 30% nữa. Hiện giữa các nhà sản xuất thép và nhà cung cấp quặng sắt chưa đàm phán được với nhau, nhưng giá quặng tăng khoảng 30% trong năm tới là khó tránh khỏi. Điều này chắc chắn sẽ đẩy giá phôi thép và thép lên cao. Vì vậy, quốc gia nào không chủ động được nguồn phôi thì thị trường thép sẽ còn bị tác động mạnh. Điều này gây khó khăn đối với các doanh nghiệp sản xuất thép trong nước nhưng mở ra một cơ hội cho các doanh nghiệp kinh doanh khi không bị sức ép quá lớn từ nguồn nguyên liệu như các doanh nghiệp sản xuất. Do đó, lợi thế cạnh tranh của các doanh nghiệp thương mại sẽ cao hơn các doanh nghiệp sản xuất.

Ø Thách thức

- Các doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực cung cấp thép công nghiệp trong nước ngày càng nhiều khiến cho mức độ cạnh tranh của công ty sẽ trở nên gay gắt hơn. Do đó, hiện tại Nam Vang đã và đang xây dựng chiến lược Marketing có hiệu quả từ khâu nhập sản phẩm đến pha cắt, định hình khi bán hàng, kế hoạch sau bán hàng để có thể giữ vững vị trí dẫn đầu trong lĩnh vực cung ứng thép công nghiệp của cả nước.
- Hiện tại, quy mô của Nam Vang khá lớn. Tuy nhiên, nguồn nhân lực của Công ty vẫn còn thiếu, đặc biệt là nguồn nhân lực có chất lượng cao. Hơn nữa còn có sự thu hút lao động của Nam Vang từ các Công ty cùng ngành hoặc một số

Công ty khác. Đây là bài toán đặt ra trong chính sách về nhân sự đối với Ban lãnh đạo của Nam Vang. Nhận thức được tầm quan trọng của nhân tố con người đối với hoạt động của Công ty, Ban lãnh đạo của Nam Vang đã có những chính sách đãi ngộ tốt đối với toàn thể cán bộ nhân viên của mình, thu hút nhân tài. Do đó, có những người đã rời khỏi Nam Vang lại quyết định quay trở lại.

10.2. Triển vọng phát triển của ngành thép

Thép là vật tư chiến lược không thể thiếu của ngành công nghiệp, xây dựng và quốc phòng, có vai trò hết sức quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Do vậy ngành thép luôn được Nhà nước xác định là ngành công nghiệp được ưu tiên phát triển. Sự tăng trưởng của ngành thép gắn liền với sự tăng trưởng của nền kinh tế. Hiện nay, nền kinh tế Việt Nam đang trong giai đoạn tăng trưởng nhanh và bền vững, tốc độ tăng trưởng GDP luôn duy trì ở mức cao và năm sau cao hơn năm trước. Năm 2003 là 7,23%; năm 2004 đạt 7,7%; năm 2005 là 8,4% và năm 2006 đạt 8,7%. Trong khi đó, tốc độ tăng trưởng hàng năm của ngành công nghiệp và xây dựng là 10,37%, cao hơn tốc độ tăng GDP của cả nước và sẽ tiếp tục tăng trưởng trong thời gian tới. Qua đó có thể khẳng định tiềm năng của ngành xây dựng nói chung và ngành thép nói riêng là rất lớn. Nhu cầu thép sẽ không ngừng được gia tăng cùng với sự tăng trưởng của nền kinh tế.

Theo quy hoạch tổng thể phát triển ngành thép của Chính phủ thì đến năm 2010, ngành thép sẽ trở thành một trong những ngành công nghiệp trọng điểm trong nền kinh tế quốc dân, trong đó có sự phát triển cân đối giữa hạ nguồn (cán, kéo gia công thép) và thượng nguồn (khai thác quặng sắt, sản xuất phôi) với tốc độ sản xuất phôi thép tăng trưởng bình quân là 15%/năm.

Chủ trương phát triển là về thị trường, ngành thép làm chủ thị trường trong nước về chủng loại, chất lượng, quy cách các loại thép thông dụng, giá cả và tìm được thị trường xuất khẩu, phấn đấu đến năm 2010 sản xuất thép trong nước đáp ứng được 75%- 80% nhu cầu thép dùng trong nước. Về công nghệ, ngành thép hướng tới sử dụng công nghệ hiện đại, tự động hóa ở mức cao, tiết kiệm nguyên, nhiên liệu, điện năng, đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường.

▼ ***Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung trên thế giới***

Mục tiêu phát triển ngành thép đến năm 2010, tầm nhìn đến 2020 theo Viện nghiên cứu chiến lược chính sách công nghiệp: Phát triển ngành thép Việt Nam nhanh chóng trở thành một ngành phát triển hoàn chỉnh theo công nghệ hiện đại, tiên tiến, sử dụng tối đa nguồn quặng sẵn có trong nước, trên cơ sở xây dựng khu liên hợp luyện kim công suất 4-5 triệu tấn thép/năm, sử dụng tối đa và có hiệu quả nguồn nguyên liệu khoáng sản trong nước, áp dụng các công nghệ mới hiện đại đang được sử dụng trên thế giới, cố gắng thoả mãn tối đa nhu cầu trong nước về thép cán (cả về số lượng, chủng loại, quy cách và chất lượng sản phẩm). Từ thay thế nhập khẩu tiến tới xuất khẩu sản phẩm thép. Phấn đấu đến 2020 sẽ có một ngành thép phát triển bền vững với tốc độ tăng trưởng cao, bảo đảm tốt về chất lượng, đầy đủ về số lượng và chủng loại sản phẩm, đáp ứng cho nhu cầu phát triển kinh tế xã hội của đất nước.

Trong giai đoạn đầu sẽ phát triển các khâu hạ nguồn trước như sản xuất thép cán tròn xây dựng, thép cán tấm nóng, cán tấm nguội... đi từ thép phôi, thép nhập khẩu và một phần thép phế liệu. Trong quá trình phát triển sẽ tiếp tục đầu tư chiều sâu các cơ sở hiện có, nghiên cứu phát triển khâu thượng nguồn có sử dụng quặng sắt trong nước và một phần quặng sắt nhập khẩu phù hợp với trình độ công nghệ đã thuần thực. Dưới đây là những quan điểm cụ thể để phát triển ngành thép:

- Thép là vật tư chiến lược không thể thiếu của ngành công nghiệp, xây dựng và quốc phòng, có vai trò hết sức quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Ngành thép được xác định là ngành công nghiệp cần ưu tiên phát triển.
- Trên cơ sở phát huy có hiệu quả nguồn tài nguyên khoáng sản sẵn có trong nước, kết hợp với nhập khẩu một phần quặng và phôi của nước ngoài, xây dựng khu liên hợp luyện kim công suất 4-5 triệu tấn thép/năm để từng bước đáp ứng nhu cầu thép trong nước cả về chủng loại và chất lượng. Trong giai đoạn đầu tập trung phát triển các khâu hạ nguồn như cán thép xây dựng, thép cán tấm nóng, cán tấm nguội, sau đó cần nghiên cứu phát triển khâu sản xuất thượng nguồn để sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên trong nước.
- Kết hợp chặt chẽ giữa phát huy nội lực và tranh thủ tận dụng có hiệu quả các nguồn vốn từ nước ngoài (trước hết về thiết bị và công nghệ). Kết hợp hài hoà giữa yêu cầu giữ vững độc lập tự chủ về kinh tế với xu thế hội nhập, toàn cầu hoá; tự chủ nhưng không bỏ qua các cơ hội hợp tác và phân công lao động quốc tế để đẩy nhanh tốc độ phát triển ngành thép. Đa dạng hoá vốn đầu tư

- cho ngành thép. Vốn đầu tư của nhà nước chủ yếu dành cho phát triển các nguồn quặng trong nước và các công trình sản xuất thép tấm, thép lá.
- Về công nghệ: Trong giai đoạn đến 2020 vẫn sử dụng công nghệ truyền thống là sản xuất lò cao luyện thép. Đồng thời tích cực nghiên cứu áp dụng các công nghệ mới, tiên tiến, hiện đại để phát triển ngành thép. Đối với khu liên hợp luyện kim khép kín có vốn đầu tư lớn và thời gian xây dựng kéo dài, có thể triển khai trước khâu sản xuất cán kéo. Sau sẽ phát triển tiếp khâu sản xuất phôi cán từ quặng.
 - Nhà nước có chính sách hỗ trợ tích cực cho ngành thép trong khuôn khổ cho phép của các cam kết thương mại và hội nhập quốc tế.
 - Tham gia AFTA đồng nghĩa với việc xoá bỏ hàng rào thuế quan, ngành thép phải củng cố mở rộng từ khâu sản xuất đến lưu thông phân phối với các ngành kinh tế khác để mở rộng thị trường và cạnh tranh được ở thị trường trong nước và trên thế giới.
 - Đi đôi với việc đầu tư xây dựng các nhà máy hiện đại, phải hết sức coi trọng đầu tư chiều sâu, đổi mới thiết bị công nghệ, hiện đại hoá các cơ sở hiện có lên ngang bằng tiên tiến trong nước và khu vực.
 - Quan tâm công tác đào tạo nhân lực và phát triển khoa học công nghệ phục vụ phát triển ngành.

Dự báo nhu cầu các sản phẩm thép các giai đoạn như sau:

I-Tăng trưởng GDP (%); II- Tăng trưởng công nghiệp (%); III- Tăng trưởng sx thép (%); IV- Tăng tiêu thụ thép (%); V- BQ đầu người (kg/người).

Giai đoạn	I	II	III	IV	V
2006-2010	7,5	10,38	10	10,6	123
2011-2015	7,0	8-9	9-9,5	9-9,5	170
2016-2020	6,5	7-8	8-8,5	8-8,5	240

Nguồn : Viện nghiên cứu chiến lược chính sách công nghiệp

Nhu cầu thép vào năm 2006 sẽ là 6,8 - 6,9 triệu tấn; năm 2010 là 10 triệu tấn; năm 2015 là 16 triệu tấn và năm 2020 là 20 triệu tấn. Trong đó sản xuất trong nước theo mốc năm tương ứng chỉ đạt 51%; 61%; 62% và 70% vào năm 2020. (Nguồn: Viện nghiên cứu chiến lược chính sách công nghiệp).

Qua đó có thể thấy triển vọng phát triển của ngành thép là rất lớn và hoàn toàn phù hợp với sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước mà Đảng và Chính phủ Việt Nam đã đặt ra.

11. Chính sách đối với người lao động

11.1. Số lượng người lao động trong công ty

Tổng số lao động tại thời điểm 30/11/2007 là 305 người, trong đó bao gồm 214 nam và 91 nữ.

Phân theo trình độ người lao động:

TỔNG SỐ	:	305
§ Cán bộ có trình độ đại học và trên đại học	:	25
§ Cán bộ có trình độ cao đẳng và trung cấp	:	35
§ Cán bộ có trình độ sơ cấp	:	20
§ Công nhân và công nhân kỹ thuật	:	175
§ Lao động phổ thông	:	50

11.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

✓ Chính sách đào tạo

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ tại các đơn vị. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

- Đối với lao động trực tiếp: thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng. Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học.
- Đối với lao động tại các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Công ty luôn tạo điều kiện tham gia học với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc ngắn hạn và dài hạn, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của nhà nước.

Bên cạnh đó, Công ty cũng có những quy chế thống nhất toàn công ty. Ở từng trung tâm, chi nhánh có nội quy riêng, tùy thuộc vào đặc điểm của mỗi đơn vị mà có nội dung khác nhau trên cơ sở quy chế của Công ty.

✓ **Chính sách lương**

Công ty xây dựng quy chế về quản lý và phân phối tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Công ty. Tiền lương được phân phối theo nguyên tắc phân phối theo lao động phù hợp với năng lực của từng cán bộ công nhân viên và sử dụng tiền lương như đòn bẩy kinh tế quan trọng nhất để kích thích người lao động tích cực tham gia sản xuất kinh doanh. Việc phân phối lương được thực hiện công khai và dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh trong Công ty. Bên cạnh đó, hàng năm Công ty còn tổ chức xét lương cho cán bộ công nhân viên.

✓ **Chính sách thưởng**

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc. Công ty đưa ra chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, có thành tích chống tiêu cực, lãng phí.

Hàng tháng, Công ty có những khoản thưởng từ 10 – 20% mức lương hàng tháng cho cán bộ công nhân viên.

✓ **Các chế độ chính sách khác đối với người lao động**

Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Bộ luật Lao động, nội quy lao động và thỏa ước lao động tập thể. Chế độ bảo hiểm xã hội của công ty bao gồm đầy đủ ba chế độ: ốm đau, thai sản và tai nạn lao động. Công ty đặc biệt quan tâm đến việc hiếu hỷ cho CBCNV lao động trong Công ty.

Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Công ty có chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với các lao động làm việc trong điều kiện nắng nóng, nặng nhọc; quan tâm tới cán bộ công nhân viên trong các ngày lễ tết; tạo điều kiện hoạt động thể dục, thể thao, sinh hoạt vui chơi giải trí tập thể:

- Các chế độ chống nóng, chống độc hại cho công nhân, lao động phải làm việc trong điều kiện độc hại. Công tác an toàn, bảo hộ lao động được quan tâm

đúng mức, đúng chế độ Nhà nước quy định, trang cấp bảo hộ lao động và khám sức khỏe định kỳ, huấn luyện an toàn.

- Tại văn phòng, ngoài lương, thưởng, cán bộ nhân viên được công ty đài thọ và bố trí chỗ ăn trưa, có người nấu ăn và đun nước.
- Ở các chi nhánh, trung tâm của Công ty, Công ty còn bố trí cho các cán bộ, công nhân còn độc thân nhà ở, ăn trưa, dụng cụ sinh hoạt. Cán bộ, công nhân chỉ phải đóng tiền ăn bữa chiều. Bên cạnh đó, Công ty còn bố trí phòng ăn với diện tích chứa khoảng 80 – 100 người có đầy đủ ánh sáng, quạt mát.
- Tặng quà cho các cán bộ công nhân viên vào dịp sinh nhật; nhân ngày quốc tế phụ nữ 8/3; ngày phụ nữ Việt Nam 20/10; cưới hỏi; ngày lễ tết (tết Dương lịch, tết Nguyên đán, 30/4, ngày Quốc tế lao động 1/5, Quốc khánh 2/9).
- Tổ chức cho các cán bộ công nhân viên đi nghỉ mát, du lịch hàng năm. Đặc biệt, các cán bộ công nhân trong diện biên chế được Công ty bao cấp cả gia đình đi nghỉ mát.
- Tổ chức vui chơi và tặng quà cho các cháu là con của cán bộ công nhân viên trong Công ty nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6, rằm trung thu.
- Tặng quà cho các cháu đạt thành tích cao trong học tập.

12. Chính sách cổ tức

Công ty CP Nam Vang chính thức chuyển sang mô hình công ty TNHH sang công ty cổ phần từ 02/05/2007. Do đó, năm 2005 và 2006, Công ty vẫn là Công ty TNHH nên chưa có chính sách cổ tức. Cổ tức năm 2007 của Công ty được tính từ tháng 5/2007 đến cuối năm 2007.

Mức cổ tức hàng năm của Công ty được căn cứ trên cơ sở hiệu quả hoạt động hàng năm và được Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định và thông qua. Cổ tức được chia từ phần lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ vốn góp của từng bên. Ngoài ra, mức cổ tức chi trả còn phụ thuộc vào phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh của các năm tới.

Dự kiến cổ tức hàng năm là 17% kể từ năm 2007.

13. Tình hình hoạt động tài chính

13.1. Các chỉ tiêu cơ bản

✓ Trích khấu hao TSCĐ:

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích lập theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12

tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

STT	Tài sản cố định hữu hình	Thời gian khấu hao
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	20 – 25 năm
2	Máy móc thiết bị	6 – 10 năm
3	Phương tiện vận tải	6 – 10 năm
4	Thiết bị quản lý	3 – 8 năm

Chi phí khấu hao tài sản cố định các năm như sau:

Đơn vị tính: VNĐ

Năm	Từ 01/01/2006 đến 31/12/2006	Từ 01/01/2007 đến 01/5/2007	Từ 02/5/2007 đến 31/10/2007
Chi phí khấu hao	3.713.920.814	1.351.249.249	2.582.672.406

(Nguồn: BCTC năm 2006 và BCTC từ 01/01/2007 đến 01/5/2007 có kiểm toán của Cty TNHH Nam Vang, BCTC hợp nhất từ 02/5/2007 đến 31/10/2007 có kiểm toán của Cty CP Nam Vang)

✓ **Mức lương bình quân:**

Đơn vị tính: VNĐ

Năm	Từ 01/01/2006 đến 31/12/2006	10 tháng đầu năm 2007
Mức lương bình quân/tháng (đồng/người/tháng)	2.500.000	3.000.000

Nhìn chung, mức lương bình quân của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành nói riêng và trong toàn xã hội nói chung được đánh giá là khá cao.

✓ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn:** Căn cứ vào báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2006, Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

✓ **Các khoản phải nộp theo luật định:**

○ Thuế Thu nhập doanh nghiệp:

- Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2007 đến ngày 01/05/2007 của Công ty TNHH Nam Vang.

Đơn vị tính: VND

TT	Chỉ tiêu	Văn phòng Công ty CP Nam Vang	Chi nhánh Hải Phòng	Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh	Cộng
1	Thu nhập trước thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.560.657.679)	6.021.379.395	(48.044.559)	2.412.677.157
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	1.685.986.231	-	1.685.986.231

- Chi tiết thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành giai đoạn tài chính từ ngày 02/05/2007 đến ngày 31/10/2007 của Công ty cổ phần Nam Vang

Đơn vị tính: VND

TT	Chỉ tiêu	Văn phòng Công ty CP Nam Vang	Chi nhánh Hải Phòng	Chi nhánh Tp.Hồ Chí Minh	Cộng
1	Thu nhập trước thuế thu nhập doanh nghiệp	27.493.324.927	2.217.885.829	1.347.633.825	31.058.844.581
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	7.698.130.980	621.008.032	339.085.789	8.658.224.800

Lưu ý: Các đơn vị thực hiện kê khai và nộp thuế riêng, không có bù trừ giữa các đơn vị

o Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán.

Thuế suất thuế giá trị gia tăng 5% với hầu hết các mặt hàng.

Đơn vị tính: VND

Năm	31/12/2006	01/05/2007	31/10/2007
Thuế Giá trị gia tăng phải nộp	-	276.929.560	309.426.741

(Nguồn: BCTC năm 2006 và BCTC từ 01/01/2007 đến 01/5/2007 có kiểm toán của Cty TNHH Nam Vang, BCTC hợp nhất từ 02/5/2007 đến 31/10/2007 có kiểm toán của Cty CP Nam Vang)

o Thuế nhập khẩu

Thuế suất thuế giá trị gia tăng của hầu hết mặt hàng thép công nghiệp nhập khẩu áp dụng cho Công ty là 0 %.

Một số sản phẩm thép hình và thép đặc chủng của Công ty có mức thuế nhập khẩu từ 2 – 3%.

o Các loại thuế, phí khác:

Các loại thuế khác: Công ty tuân thủ theo Luật thuế và các chính sách về thuế của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện hành áp dụng cho các doanh nghiệp.

✓ **Trích lập các quỹ theo luật định:**

Công ty CP Nam Vang chuyển đổi sang hình thức Công ty cổ phần từ tháng 5/2007. Từ trước, Công ty chưa thực hiện việc trích lập các quỹ. Khi công ty chuyển sang hình thức Công ty cổ phần, Công ty sẽ thực hiện trích lập các quỹ dựa trên cơ sở lợi nhuận hàng năm và kế hoạch phát triển của Công ty theo đúng Điều lệ Công ty cổ phần và luật định. Mức trích cho từng quỹ được các thành viên Hội đồng quản trị thống nhất và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

✓ **Tổng dư nợ vay:**

Số dư các khoản vay vào ngày kết thúc niên độ kế toán của các năm như sau:

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	31/12/2006	01/05/2007	31/10/2007
Vay và nợ ngắn hạn	224.427.306.266	203.863.348.297	360.948.741.107
- Vay ngắn hạn Ngân hàng	220.890.495.822	195.591.716.443	314.941.741.107
○ Chi nhánh ngân hàng DT&PT Hà Thành	-	27.215.170.726	39.000.000.000
○ Ngân hàng Nông nghiệp PTNT chi nhánh Long Biên	-	1.900.000.000	-
○ Ngân hàng Techcombank –Chi nhánh Chương Dương	-	57.470.000.000	70.000.000.000
○ Ngân hàng Nông nghiệp PTNT Tây Hà Nội	-	41.550.000.000	61.710.000.000
○ Ngân hàng Quốc tế–CN Thanh Xuân	-	61.911.545.717	116.231.741.107
○ Ngân TMCP Xăng dầu – Chi nhánh Chương Dương	-	-	24.000.000.000
○ Chi nhánh Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	-	5.545.000.000	-
○ Ngân hàng TMCP Hàng Hải– Chi nhánh Hải Phòng	-	-	40.000.000.000
○ Ngân hàng DT&PT Việt Nam–Chi nhánh Thành Đô	-	-	3.000.000.000
- Vay cá nhân	3.536.810.444	8.271.631.854	46.007.000.000
Vay và nợ dài hạn	-	-	-

(Nguồn: BCTC năm 2006 và BCTC từ 01/01/2007 đến 01/5/2007 có kiểm toán của Cty TNHH Nam Vang, BCTC hợp nhất từ 02/5/2007 đến 31/10/2007 có kiểm toán của Cty CP Nam Vang)

✓ **Tình hình công nợ hiện nay:**

Số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

- Các khoản phải thu:

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2006	01/05/2007	31/10/2007
Phải thu khách hàng	154.707.442.478	212.158.872.611	219.919.573.421
Trả trước cho người bán	10.062.185.438	9.256.534.786	135.700.365.498
Phải thu khác	12.002.763.520	12.847.707.547	28.393.975.582
Tổng cộng	176.772.391.436	234.263.114.944	384.013.914.501

(Nguồn: BCTC năm 2006 và BCTC từ 01/01/2007 đến 01/5/2007 có kiểm toán của Cty TNHH Nam Vang, BCTC hợp nhất từ 02/5/2007 đến 31/10/2007 có kiểm toán của Cty CP Nam Vang)

- Các khoản phải trả:

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	31/12/2006	01/05/07	31/10/07
A . Nợ phải trả	449.143.649.284	492.870.079.151	632.489.338.136
I. Nợ ngắn hạn	449.143.649.284	492.870.079.151	632.489.338.136
1. Vay và nợ ngắn hạn	224.427.306.266	203.863.348.297	360.948.741.107
2. Phải trả cho người bán	214.708.851.891	275.752.619.314	254.662.902.343
3. Người mua trả tiền trước	8.479.188.710	9.753.251.332	4.332.659.817
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	1.336.470.512	3.280.928.303	11.501.521.312
5. Chi phí phải trả	5.700.000	-	172.352.979
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	186.131.905	219.931.905	871.160.578
II. Nợ dài hạn	0	0	0

(Nguồn: BCTC năm 2006 và BCTC từ 01/01/2007 đến 01/5/2007 có kiểm toán của Cty TNHH Nam Vang, BCTC hợp nhất từ 02/5/2007 đến 31/10/2007 có kiểm toán của Cty CP Nam Vang)

13.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2006
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	
- Hệ số thanh toán ngắn hạn:	
TSLĐ/Nợ ngắn hạn	0,95
- Hệ số thanh toán nhanh:	
TSLĐ - Hàng tồn kho	0,44
Nợ ngắn hạn	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,90
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	8,56

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động	
- Vòng quay hàng tồn kho(vòng/tháng):	0,43
<u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,43
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời	
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,01
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,32
- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,03
- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,01

14. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

- Hội đồng quản trị:**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Văn Vang	Chủ tịch HĐQT
2	Đỗ Hữu Thăng	Ủy viên HĐQT
3	Đặng Thị Nhân	Ủy viên HĐQT
4	Phạm Văn Thụ	Ủy viên HĐQT

- Thành viên Ban giám đốc:**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Lê Văn Vang	Tổng Giám đốc
2	Lê Thị Thanh Tâm	Kế toán trưởng

- Thành viên Ban kiểm soát:**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Mai Thị Dần	Trưởng ban kiểm soát
2	Bùi Thị Lý	Ủy viên ban kiểm soát
3	Tống Văn Thăng	Ủy viên Ban kiểm soát

**SƠ YẾU LÝ LỊCH TÓM TẮT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT,
BAN GIÁM ĐỐC**

1. Họ và tên: Lê Văn Vang

- § Chức vụ công tác hiện nay : Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
- § Giới tính : Nam
- § Ngày tháng năm sinh : 01/08/1956
- § Số CMTND : 011501893
- § Nơi sinh : Tân Ninh - Triệu Sơn – Thanh Hóa
- § Quốc tịch : Việt Nam
- § Dân tộc : Kinh
- § Quê quán : Tân Ninh - Triệu Sơn – Thanh Hóa
- § Địa chỉ thường trú : 51C – Ngõ 87 – Láng Hạ - Tp. Hà Nội
- § Số điện thoại liên lạc : 0913205196
- § Trình độ văn hoá : 10/10
- § Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế ngành Công nghệ phẩm Đại học Thương nghiệp Trung Ương – nay là Đại học Thương Mại.

§ Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
1977 - 1981	Học hệ chính quy – Khoa Thương Phẩm – Đại học Thương Nghiệp Trung Ương.
1982 - 1985	Cán bộ quản lý kho – Công ty Xe đạp xe máy Trung Ương.
1986 - 1987	Cán bộ phụ trách kế hoạch vật tư – Xí nghiệp Gia công hàng điện máy kim khí.
1987 - 1989	Cán bộ phụ trách tiếp nhận, vận tải – Công ty Điện máy Miền Bắc – Tổng công ty Điện Máy Xe đạp xe máy.
1989 - 1990	Phó cửa hàng trưởng cửa hàng 200 Sơn Tây thuộc Công ty Điện máy Miền Bắc.
1990 - 1991	Phụ trách Cửa hàng 200 Sơn Tây – Trung tâm Điện máy 92 Hai Bà Trung thuộc Tổng Công ty Điện máy Xe đạp xe máy.
1992 - 1995	Phụ trách công tác kinh doanh vật tư, thiết bị - Trung tâm Điện tử Điện máy 92 Hai Bà Trung

	thuộc Tổng Công ty Điện máy Xe đạp xe máy.
1995 - 2001	Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty TNHH Nam Vang.
2001 - nay	Chủ tịch Quỹ Hỗ trợ Nam Vang.
2001 – 31/12/2007	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Công nghiệp Xây dựng và Thương Mại Nam Lý – Hải Phòng.
2002 – 31/10/2007	Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Thương Mại Thống Nhất – Hải Phòng.
2005 – 31/10/2007	Chủ tịch HĐQT Công ty Sản Xuất và Thương Mại An Thái Hòa – Tp.Hồ Chí Minh.
2006 - nay	- Chủ tịch HĐQT Công ty Dịch vụ Thương Mại Tổng hợp Hà Nội. - Thành viên HĐQT Công ty Cầu 14.
2002 - 2007	Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH Nam Vang, nay là Công ty CP Nam Vang.
T5/2007 - Nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc – Công ty CP Nam Vang

§ Hành vi vi phạm pháp luật : Không

§ Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

§ Các khoản nợ đối với Công ty : Không

§ Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 6.290.000 cổ phần, chiếm 39,3% vốn điều lệ

§ Những người có liên quan:

- Vợ: **Lê Thị Nga**

- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 500.000 cổ phần.

§ Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không

2. Họ và tên: **Đỗ Hữu Thăng**

§ Chức vụ công tác hiện nay : Ủy viên HĐQT

§ Giới tính : Nam

§ Ngày, tháng, năm sinh : 01/01/1950

§ Số CMTND : 011773441

§ Nơi sinh : Thành phố Thanh Hóa – Tỉnh Thanh Hóa

§ Quốc tịch : Việt Nam

- § Dân tộc : Kinh
- § Quê quán : Thành phố Thanh Hóa – Tỉnh Thanh Hóa
- § Địa chỉ thường trú : Số 1/17 – Vân Hồ 2 – Phường Lê Đại Hành –
Tp.Hà Nội
- § Số điện thoại liên lạc : 0903407660
- § Trình độ văn hoá : 10/10
- § Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí – ĐH Bách khoa Hà Nội
- § Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
09/1970 – 09/1971	Sinh viên trường Đại học Bách Khoa Hà Nội
1971 - 1974	Tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam
1974 - 1979	Sinh viên trường Đại học Bách Khoa Hà Nội
1979 - 1994	Trưởng phòng kinh doanh – Công ty điện máy Thanh Hóa
1995 - 1997	Cán bộ Công ty Hỗ trợ sản xuất – Bộ Thương Mại
1998 – 04/2007	Thành viên HĐQT, Trưởng phòng quản lý dự án đầu tư – Công ty TNHH Nam Vang
08/2006 - nay	Chủ tịch HĐQT – Công ty Gạch ngói Nam Vang
12/2006 - nay	Giám đốc – Công ty TNHH Dịch vụ Thương Mại Tổng Hợp.
05/2007 - nay	Ủy viên HĐQT, Trưởng phòng quản lý dự án đầu tư – Công ty cổ phần Nam Vang.

- § Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- § Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- § Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- § Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 641.000 cổ phần, chiếm 4% vốn điều lệ
- § Những người có liên quan: không có.
- § Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không

3. Họ và tên: Đặng Thị Nhàn

- § Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT Công ty CP Nam Vang
- § Giới tính :Nữ

- § Ngày tháng năm sinh : 10/4/1955
- § Số CMTND : 0104732206
- § Nơi sinh : Long Biên - Hà Nội
- § Quốc tịch : Việt Nam
- § Dân tộc : Kinh
- § Quê quán : Xã Hiệp Hòa – Huyện Vũ Thư – Thái Bình
- § Địa chỉ thường trú : 76 Nguyễn Trường Tộ - Ba Đình – Hà Nội
- § Số điện thoại liên lạc : 0912152160
- § Trình độ văn hoá : 10/10
- § Trình độ chuyên môn : Trung cấp kế toán
- § Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
1974 - 1995	Làm việc tại Công ty Điện máy Xe đạp xe máy.
1995 - nay	Làm việc tại Công ty TNHH Nam Vang nay là Công ty CP Nam Vang.
T5/2007 – Nay	Ủy viên HĐQT – Công ty CP Nam Vang

- § Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- § Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- § Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- § Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : 538.000 cổ phần, chiếm 3,36% vốn điều lệ
- § Những người có liên quan:
- Chồng: **Hoàng Thế Vinh**
 - Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 10.400 cổ phần.
- § Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không.

4. Họ và tên: **Phạm Văn Thụ**

- § Chức vụ công tác hiện nay: Ủy viên HĐQT Công ty CP Nam Vang
- § Giới tính : Nam
- § Ngày tháng năm sinh : 01/10/1950
- § Số CMTND : 030718243
- § Nơi sinh : Tân Ninh – Triệu Sơn – Thanh Hóa

- § Quốc tịch : Việt Nam
- § Dân tộc : Kinh
- § Quê quán : Tân Ninh – Triệu Sơn – Thanh Hóa
- § Địa chỉ thường trú : Cụm 6 – Phường Quán Trú - Quận Kiến An – TP. Hải Phòng.
- § Số điện thoại liên lạc : 0903423080
- § Trình độ văn hoá : 10/10
- § Trình độ chuyên môn : Kỹ sư chế tạo vỏ tàu thủy
- § Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
1970 - 1977	Cán bộ kỹ thuật – Nhà máy đóng tàu Hải Phòng
1977 - 1980	Phó phòng kiểm tra chất lượng - Nhà máy đóng tàu Hải Phòng
1980 - 1992	Trưởng phòng cung tiêu – Nhà máy đóng tàu Hải Phòng
1994 - 1997	Chủ nhiệm Hợp tác xã Bạch Đằng – Hải Phòng
2000 - 2005	Giám đốc Chi nhánh Công ty TNHH Nam Vang tại Hải Phòng
1995 - 2007	Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Công nghiệp – Thương mại Thái Sơn – Hải Phòng
T5/2007 - Nay	Ủy viên HĐQT – Công ty CP Nam Vang

- § Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- § Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- § Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- § Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : 1.668.000 cổ phần, chiếm 10,4% vốn điều lệ
- § Những người có liên quan : không có.
- § Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty : không.

5. Họ và tên: Lê Thị Thanh Tâm

- § Chức vụ công tác hiện nay : Kế toán trưởng
- § Giới tính : Nữ
- § Ngày tháng năm sinh : 29/04/1956

- § Số CMTND : 010325011
- § Nơi sinh : Hà Nội
- § Quốc tịch : Việt Nam
- § Dân tộc : Kinh
- § Quê quán : Hoa Trung – Hoa Lộc – Hậu Lộc – Thanh Hóa
- § Địa chỉ thường trú : 56C Ngõ 87 Láng Hạ - Đống Đa – Hà Nội
- § Số điện thoại liên lạc : 0978859588
- § Trình độ văn hoá : 10/10
- § Trình độ chuyên môn : Trung cấp
- § Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
10/1978 – 10/1992	Kế toán cửa hàng Bách Hóa Yên Phụ - Công ty Bách Hóa Hà Nội.
11/1992 – 03/1995	Phó trưởng cửa hàng Bách Hóa Yên Phụ - Công ty Bách Hóa Hà Nội.
04/1995 – 04/2007	Kế toán trưởng Công ty TNHH Nam Vang.
05/2007 - nay	Kế toán trưởng Công ty cổ phần Nam Vang.

- § Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- § Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- § Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- § Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 59.030 cổ phần, chiếm 0,369% vốn điều lệ
- § Những người có liên quan:
- Chồng: **Lê Huy Oánh**
 - Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 115.000 cổ phần.
- § Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty: không

6. Họ và tên: Mai Thị Dân

- § Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban kiểm soát
- § Giới tính : Nữ
- § Ngày tháng năm sinh : 15/8/1948
- § Số CMTND : 010501611 do Công an Hà Nội cấp
- § Nơi sinh : Đông Khê – Đông Sơn – Thanh Hóa
- § Quốc tịch : Việt Nam

- § Dân tộc : Kinh
- § Quê quán : Đông Khê – Đông Sơn – Thanh Hóa
- § Địa chỉ thường trú : 80 Đê La Thành – P.Ngọc Khánh – Hà Nội
- § Số điện thoại liên lạc : 0913218080
- § Trình độ văn hoá : 10/10
- § Trình độ chuyên môn : Đại học
- § Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
1983 - 1991	Phó trưởng phòng Xí nghiệp giấy da Hà Nội
1992 - nay	Giám đốc Công ty TNHH Ngọc Dân
Từ T5/2007 - Nay	Trưởng Ban kiểm soát – Công ty CP Nam Vang

- § Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- § Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- § Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- § Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : 846.000 cổ phần, chiếm 5,3% vốn điều lệ
- § Những người có liên quan: không có.

7. Họ và tên: **Bùi Thị Lý**

- § Chức vụ công tác hiện nay : Ủy viên Ban kiểm soát
- § Giới tính : Nữ
- § Ngày tháng năm sinh : 1959
- § Số CMTND : 011443649
- § Nơi sinh : Xã Phùng Hưng – Khoái Châu – Hưng Yên
- § Quốc tịch : Việt Nam
- § Dân tộc : Kinh
- § Quê quán : Xã Phùng Hưng – Khoái Châu – Hưng Yên
- § Địa chỉ thường trú : Số nhà 135 – Ngô Gia Tự - P.Đức Giang – Long Biên – Hà Nội
- § Số điện thoại liên lạc : 0918272055
- § Trình độ văn hoá : 10/10

§ Trình độ chuyên môn : Kinh doanh

§ Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
10/1981 – 10/1990	Công tác tại Công ty Nội thương Xây lắp II Đức Giang.
1991 - nay	Kinh doanh đồ dùng nội thất tại nhà.
T5/2007 - nay	Ủy viên Ban Kiểm soát – Công ty CP Nam Vang

§ Hành vi vi phạm pháp luật : Không

§ Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không

§ Các khoản nợ đối với Công ty : Không

§ Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : 217.000 cổ phần, chiếm 1,36% vốn điều lệ

§ Những người có liên quan : không có.

§ Quyền lợi mâu thuẫn lợi ích Công ty : không

8. Họ và tên: **Tổng Văn Thắng**

§ Chức vụ công tác hiện nay : Ủy viên Ban kiểm soát

§ Giới tính : Nam

§ Ngày tháng năm sinh : 28/7/1981

§ Số CMTND : 171667581

§ Nơi sinh : Huyện Nông Cống – Tỉnh Thanh Hóa

§ Quốc tịch : Việt Nam

§ Dân tộc : Kinh

§ Quê quán : Huyện Nông Cống – Tỉnh Thanh Hóa

§ Địa chỉ thường trú : Thanh Trì – Hà Nội

§ Số điện thoại liên lạc : 0986411688

§ Trình độ văn hoá : 12/12

§ Trình độ chuyên môn : Trung cấp

§ Quá trình công tác:

Thời gian	Chức vụ
10/2001 – 04/2007	Cán bộ kinh doanh Công ty TNHH Nam Vang
05/2007 - nay	Cán bộ kinh doanh Công ty CP Nam Vang

T5/2007 - nay	Ủy viên Ban Kiểm soát – Công ty CP Nam Vang
---------------	---

- § Hành vi vi phạm pháp luật : Không
- § Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích công ty : Không
- § Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- § Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ : 12.399 cổ phần, chiếm 0,0775% vốn điều lệ
- § Những người có liên quan: không có.

15. Tài sản

Giá trị tài sản cố định hữu hình theo báo cáo tài chính được kiểm toán tại thời điểm 31/12/2006:

TT	Khoản mục	Nguyên giá (VNĐ)	Giá trị còn lại (VNĐ)	% GTCL/NG
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	15.290.128.580	14.035.773.413	91,79%
2	Máy móc, thiết bị	26.196.089.979	15.389.677.697	58,75%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4.082.319.584	2.015.777.278	49,38%
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	567.973.916	123.036.873	21,66%
Cộng		46.136.512.059	31.564.265.261	68,41%

Giá trị tài sản cố định hữu hình theo báo cáo tài chính được kiểm toán tại thời điểm 31/10/2007:

TT	Khoản mục	Nguyên giá (VNĐ)	Giá trị còn lại (VNĐ)	% GTCL/NG
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	28.843.789.683	25.879.294.084	89,72%
2	Máy móc, thiết bị	25.777.450.413	13.710.036.486	53,19%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4.700.210.155	2.684.906.664	57,12%
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	795.651.229	314.590.183	39,54%
Cộng		60.117.101.480	42.588.827.418	70,84%

Một số tài sản chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2006:

Đơn vị tính: VNĐ

Tên tài sản	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Phương tiện vận tải, truyền dẫn			
Xe ô tô Mercedes C200	863.427.161	497.569.296	365.857.865
Xe ô tô Deavoo	246.415.000	118.297.525	128.117.475
Xe ô tô Mitsubishi	378.848.000	162.785.239	216.062.761
Xe ô tô KIA	250.761.400	98.635.329	152.126.071
Xe ô tô Mercedes E240	1.307.128.000	463.423.220	843.704.780
Phương tiện truyền dẫn	607.433.334	364.766.821	242.666.513
Xe ô tô đầu kéo 16H3482	190.476.191	14.285.715	176.190.476
Xe cầu CKD	323.809.520	91.113.291	232.696.229
Máy móc thiết bị			
Máy xả băng	1.325.200.000	1.220.312.465	104.887.535
Máy chân tôn	663.809.524	390.622.752	273.186.772
Máy cắt tôn	206.570.990	135.064.371	71.506.619
Công trực	1.834.196.482	770.960.044	1.063.236.438
Thiết bị gia công Nam Hải	2.910.886.955	1.033.195.343	1.877.691.612
Máy cắt	723.809.524	241.805.206	482.004.318
Trạm biến áp	331.429.238	122.562.508	208.866.730
Máy xả băng	7.142.857.143	887.558.072	6.255.299.071
Ray + cầu trục	271.673.333	41.695.563	229.977.770
Dụng cụ quản lý			
Pa lăng điện 5 tấn	95.238.095	23.441.419	71.796.676
Điều hoà Sam sung	10.476.190	4.718.308	5.757.882
Điều hoà National	81.818.000	7.481.302	74.336.698
Máy tính xách tay	11.485.714	1.909.041	9.576.673
Máy lạnh	11.904.762	6.944.444	4.960.318
Nhà cửa, vật kiến trúc			
San lấp mặt bằng+TK+Đền bù	5.485.456.092	713.355.227	4.772.100.865
Hệ thống điện nhà máy	189.151.533	24.598.180	164.553.353
Nhà văn phòng	509.941.876	66.315.307	443.626.569
Nhà ăn tập thể	586.652.994	76.291.192	510.361.802
Nhà ga ra + nhà bảo vệ	136.021.966	17.688.954	118.333.012
Nhà xưởng 4400m x 80m	5.713.445.776	743.004.108	4.970.441.667
Nhà xưởng 55m x 40m	2.268.575.830	110.907.723	2.157.668.107
Nhà xưởng sản xuất 1	7.568.528.063	669.306.794	6.899.221.268
Nhà xưởng mái vòm	2.791.385.241	244.724.186	2.546.661.055

16. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

Chỉ tiêu	Năm 2007				Năm 2008	
	Thực hiện 10 tháng đầu năm (triệu đồng)	Dự kiến 2 tháng cuối năm (triệu đồng)	Dự kiến cả năm (triệu đồng)	% tăng giảm so với năm 2006	Triệu Đồng	% tăng giảm so với năm 2007
Vốn điều lệ			160.000	220%	160.000	0%
Doanh thu thuần	1.326.670	173.330	1.500.000	23%	1.633.000	9%
Lợi nhuận sau thuế	23.127	10.073	33.200	98%	49.000	48%
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)			2,2%		3%	-
Tỉ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ (*)			27%		31%	-
Cổ tức (%)			17%		17%	-

Ghi chú:

- Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ năm 2007 tính trên vốn điều lệ bình quân.

Vốn điều lệ năm 2007:

4 tháng đầu năm: 50 tỷ

8 tháng cuối năm: 160 tỷ

$$\text{Vốn điều lệ bình quân} = \frac{4 \times 50 + 8 \times 160}{12} = 123 \text{ (tỷ đồng)}$$

✓ Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức nói trên:

Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong các năm tiếp theo của Công ty CP Nam Vang nói trên là khả thi do:

- Từ khi công ty chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, Công ty xây dựng hệ thống quản lý chặt chẽ. Cụ thể như sau:
 - o Quản lý tài chính gồm:
 - + Thuế, phí, các chế độ đối với nhà nước.
 - + Vốn, nguồn vốn.
 - + Đầu tư tài chính.
 - o Quản lý bán hàng:
 - + Quy định giá bán và giám sát bán hàng.
 - + Các chính sách đối với khách hàng.

- + Kiểm soát về khách hàng và khu vực thị trường.
- + Giám sát khách hàng và công nợ.
- o Quản lý về kho hàng:
 - + Giám sát xuất nhập hàng.
 - + Kiểm tra phân loại hàng.
 - + Đôn đốc đối chiếu công nợ hàng tháng.
 - + Xử lý các phát sinh chênh lệch hoặc chất lượng.
- o Xây dựng các kế hoạch mua vào – bán ra:
 - + Tổng Giám đốc quyết định giá mua, lượng mua, thời điểm mua.
 - + Tổng Giám đốc quyết định giá bán, sản lượng bán, thời điểm bán.
 - + Tìm kiếm các nhà cung cấp tốt nhất.

Với việc quản lý, kiểm soát chặt chẽ từ trên xuống dưới, hoạt động kinh doanh của Công ty được đảm bảo thông suốt. Hơn nữa, chi phí kinh doanh của Công ty được giảm thiểu đáng kể, tránh được các lãng phí, đặc biệt là lãng phí nguyên vật liệu tại các nhà máy pha cắt và định hình thép do công ty tận dụng tối đa nguồn phế phẩm có thể tái sử dụng.

- Hàng tồn kho của Công ty từ những năm trước với giá rất thấp so với giá thị trường hiện nay còn nhiều. Trong 10 tháng đầu năm, Công ty nhập hàng về và bán ngay. Công ty dự định 2 tháng cuối năm sẽ xuất một phần hàng tồn kho với giá thấp để bán nên lợi nhuận cao. Năm 2008, Công ty dự kiến bán nốt số hàng tồn kho giá thấp này nên tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu tăng mạnh so với năm 2007.
- Trong 02 tháng cuối năm 2007, Công ty tiếp tục thực hiện tiếp các Hợp đồng đã ký kết năm 2007. Hầu hết các khách hàng thực hiện việc thanh toán cho Công ty vào thời điểm cuối năm nên dự kiến doanh thu của Công ty tập trung nhiều vào 2 tháng cuối năm này. Đến thời điểm hiện nay (20/12/2007), Công ty đã xuất hóa đơn vượt mức kế hoạch về doanh thu đặt ra cho năm 2007.

Một số hợp đồng đầu ra của Công ty đang thực hiện trong năm 2007:

TT	Tên Công ty	Số hợp đồng	Giá trị hợp đồng (VNĐ)
1	Công ty xây dựng Sông Đà Jurong	HĐ nguyên tắc số SJC/SRC/J84/07/07/003	55.000.000.000
2	Công ty Ishikawajima - Harima Heavy Industries Co.,Ltd	BXPO - 08	37.531.108.602
3	Công ty cổ phần Cơ khí chính xác Vinashin	HĐ mua bán số 60/NV-07	29.306.254.120
4	Công ty Vật tư vận tải và	HĐKT số 48/NV-07; HĐ số	

	xếp dỡ -TKV	69/NV-07	11.386.218.437
5	Công ty Vận tải-CN Tàu thủy Bình Định	HĐ số 04/2007/HĐMB.BĐ-NV	10.099.647.550
6	Công ty TNHH 1 thành viên Cơ khí Hà Nội	HĐ số M 177/BH/NV/07	22.490.837.580
7	Công ty TNHH Thương mại Hoàng Thọ Đức - Nam Định	HĐ số 35/NV-07	11.855.489.610
8	Công ty TNHH Baw Heeng Steel	HĐ số 56/NV-07	12.500.011.480
9	Công ty Vật tư và thiết bị toàn bộ	HĐ số 02/07/HĐKT-NV-MATEXIM	12.299.000.000
10	Công ty Cp XNK và Hợp tác đầu tư VILEEXIM	HĐ số 01/07/HĐKT-NV-VIL	12.522.000.000
11	Nhà máy cơ khí 120 - CIENCO 1	HĐ số 01/07-NH-CK120	10.400.000.000
12	Công ty TNHH Long Hải	HĐ số 34/07-NH-LH	13.500.000.000
13	Công ty CP Vật tư xây dựng Vinaha	HĐ số 04/07/NV	73.345.890.960
14	Cty TNHH đóng tàu Sông Ninh (Nam Định)	HĐ số 01/CNHP-SN	28.455.000.000
15	Cty CP đóng tàu Thủy sản Việt Nam	HĐ số 30.26/10/07	12.596.600.000
16	Cty TNHH đóng tàu Trung Bộ	HĐ số 10/NV-TB	17.550.000.000
17	Cty CP CN tàu thủy Trường Xuân	HĐ số 12.16.10/07	33.150.000.000
18	Cty TNHH Phú Sơn - Thanh Hóa	HĐ số 36/07/NV-PS	12.000.000.000
19	Cty CP Lilama 69-2	HĐ số 58/07/NV/69-2	15.000.000.000
20	Cty TNHH một thành viên CN tàu thủy Cái Lân	HĐ số 19/07/CNHP - CL	13.000.000.000
21	Cty kết cấu thép Thái Nguyên	HĐ số 16/NH-KCTN	11.557.575.000
22	Cty thép ống Nghệ An	HĐ số 19/NH-TONA	14.000.000.000
23	Cty TNHH Thép PEB - Sài Gòn	HĐ số 07.75.GEL-SG	30.000.000.000
24	Cty TNHH một thành viên đóng tàu Bình Triệu	HĐ số 62/07.NV_BT	20.000.000.000
25	Tổng Công ty xây dựng số 1	HĐ số 61-02/07/CNSG-TXDT	26.000.000.000
26	Cty cổ phần xây dựng công trình giao thông 8	HĐ số 06/07/CNSG-GT8	13.000.000.000
	TỔNG CỘNG		558.545.633.339

- Các khách hàng của Công ty cổ phần Nam Vang phần lớn là các khách hàng quen thuộc (300 khách hàng). Khối lượng thép đặt hàng hàng năm khá lớn và tăng dần qua các năm. Các khách hàng này của Công ty thường xuyên ký kết các Hợp đồng nguyên tắc cho từng năm vào đầu năm. Như thường lệ, các Hợp đồng nguyên tắc này xác định được khối lượng thép sẽ xuất bán, giá bán phụ thuộc vào giá thị trường tại thời điểm yêu cầu xuất hàng của khách. Đến tháng 12/2007, đã có một số khách hàng ký Hợp đồng nguyên tắc về việc đặt hàng thép của Công ty cho năm 2008.
- Dự kiến trong năm 2008, nhu cầu thép từ phía khách hàng Công ty tăng cao do sự phát triển vượt bậc về các ngành công nghiệp như: giao thông vận tải, cơ khí đóng tàu, xây dựng, xây lắp cơ bản, chế tạo thiết bị hạng nặng, kim khí tiêu dùng. Do đó, dự kiến trong các năm tiếp theo, doanh thu và lợi nhuận của Công ty tiếp tục có bước tăng trưởng vượt bậc so với năm trước, đặc biệt năm 2008, công ty có chủ trương bán hàng tồn kho giá thấp. Khi giá thép trên thị trường ngày càng tăng cao, kế hoạch thu lợi nhuận lớn của Công ty trong năm 2008 và các năm tiếp theo là khả thi.

Ngoài ra, để đạt được kế hoạch lợi nhuận, cổ tức của Công ty đã đặt ra các kế hoạch phát triển kinh doanh. Cụ thể như sau:

Ø *Kế hoạch phát triển kinh doanh của Công ty:* Căn cứ vào Nghị quyết Hội đồng quản trị số 08-2007/HĐQT ngày 05/12/2007, Công ty cổ phần Nam Vang dự định thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh trong các năm tiếp theo, cụ thể như sau:

- Xây dựng Công ty cổ phần Công nghiệp – Xây dựng và Thương mại Nam Lý thành Công ty sản xuất chế tạo hàng xuất nhập khẩu, cấu kiện công nghiệp nặng, nhà thép tiền chế với công suất 2500 tấn với diện tích hơn 6000m² tại Hải Phòng.
- Mở một trung tâm kinh doanh thép tại Hà Nội tương đương Trung tâm kinh doanh thép Nam Hải tại Từ Liêm.
- Xây dựng một xí nghiệp cắt thép cuộn dày 25 mm, khổ rộng đến 2 m, công suất 600 tấn/ngày tại Hải Phòng.
- Phát triển tại khu vực thành phố Hồ Chí Minh thêm 1 chi nhánh như chi nhánh Hải Phòng nhằm đạt được doanh thu 200 – 255 tỷ/năm.

- Đầu tư thêm máy móc nâng chuyên (cầu trục, công trục, xe nâng hàng các loại), máy cắt thép các loại, máy định hình thép các loại cho các công ty con, chi nhánh của Nam Vang và dành khoảng 20 – 25 tỷ đồng để nâng cấp máy móc cho các cơ sở vật chất cũ.
- Củng cố, mở rộng, triển khai đầu tư vào các ngành mới (như đầu tư tài chính, đầu tư vào bất động sản...).

Đây là những định hướng, kế hoạch đầu tư của Công ty đã được ban lãnh đạo Công ty thông qua. Để đạt được những định hướng, kế hoạch trên, Công ty đã, đang và sẽ phải chuẩn bị được nguồn nhân lực có kinh nghiệm thông qua việc điều động giữa các chi nhánh với nhau hoặc bổ sung thêm nhân lực mới. Bên cạnh đó, Công ty cũng phải chuẩn bị được nguồn lực tài chính thông qua việc góp vốn của các cổ đông, lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh đạt được.

17. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của một tổ chức tư vấn tài chính chuyên nghiệp, Công ty Chứng khoán Thăng Long đã thu thập các thông tin, tiến hành các nghiên cứu phân tích và đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty CP Nam Vang cũng như lĩnh vực kinh doanh mà Công ty CP Nam Vang đang hoạt động. Căn cứ vào tốc độ tăng trưởng kinh tế, đặc biệt là tốc độ tăng trưởng của các ngành công nghiệp và xây dựng, chúng tôi nhận thấy rằng nhu cầu về thép công nghiệp sẽ tăng lên đáng kể. Do đó, hoạt động kinh doanh của Công ty vẫn có thể duy trì tốt trong những năm tới. Nếu không có những diễn biến bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong 2 năm 2007-2008 là có tính khả thi và như vậy thì Công ty sẽ đảm bảo được tỷ lệ chi trả cổ tức cho cổ đông như kế hoạch hàng năm.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin do Công ty CP Nam Vang cung cấp và các thông tin có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phiếu cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết :

Theo công văn số 06/HĐQT ngày 05/12/2007 của Công ty CP Nam Vang gửi Trung tâm Giao dịch chứng khoán Hà Nội, Công ty cam kết sẽ bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị tại Đại hội cổ đông gần nhất để đạt được số lượng thành viên

Hội đồng quản trị là 05 người và tối thiểu 1/3 số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành trực tiếp cho phù hợp với Luật doanh nghiệp 2005 và Điều lệ công ty.

19. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán niêm yết : Không có

V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

1. Loại chứng khoán : cổ phiếu phổ thông
2. Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phiếu
3. Tổng số chứng khoán niêm yết : 16.000.000 cổ phiếu
4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của tổ chức phát hành:

Cổ phần sáng lập: 9.700.000 cổ phần: Các cổ đông sáng lập cam kết nắm giữ cổ phiếu trong vòng 03 năm kể từ ngày Công ty cổ phần Nam Vang được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu (ngày 02/5/2007).

Cổ phần của Hội đồng quản trị - Ban Giám đốc – Ban kiểm soát – Kế toán trưởng (Trừ cổ phần sáng lập): 571.429 cổ phần. Thành viên Hội đồng quản trị - Ban Giám đốc – Ban kiểm soát – Kế toán trưởng cam kết nắm giữ 100% trong 6 tháng đầu kể từ ngày niêm yết đầu tiên và cam kết nắm giữ 50% trong thời gian 6 tháng tiếp theo, cụ thể như sau:

T T	Họ tên	Chức vụ	Số CMND	Số cổ phần hiện đang nắm giữ (trừ CP sáng lập)	Số cổ phần cam kết nắm giữ 100% trong 6 tháng kể từ ngày niêm yết	Số cổ phần cam kết nắm giữ 50% trong thời gian 6 tháng tiếp theo
1	Lê Văn Vang	Chủ tịch HĐQT kiêm TGĐ	011501893	290.000	290.000	145.000
2	Đặng Thị Nhân	Ủy viên HĐQT	104732206	38.000	38.000	19.000
3	Phạm Văn Thụ	Ủy viên HĐQT	030718243	68.000	68.000	34.000
4	Đỗ Hữu Thăng	Ủy viên HĐQT	011703441	41.000	41.000	20.500
5	Lê Thị Thanh Tâm	Kế toán trưởng	010325011	59.030	59.030	29.515
6	Mai Thị Dần	Trưởng	010501611	46.000	46.000	23.000

		Ban kiểm soát				
7	Bùi Thị Lý	Kiểm soát viên	011443649	17.000	17.000	8.500
8	Tổng Văn Thắng	Kiểm soát viên	171667581	12.399	12.399	6.200
	Tổng cộng			571.429	571.429	285.715

5. Phương pháp tính giá

Giá trị sổ sách cổ phiếu của Công ty tại thời điểm 31/10/2007

(Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần):

Giá sổ sách = $\frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Tổng số CP đang lưu hành}}$ = $\frac{223.088.175.441}{16.000.000}$ = 13.943 đồng/cổ phần

6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Sau khi niêm yết tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Thông tư số 90/2005/TT-BTC ngày 17/10/2005 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thi hành Quyết định số 238/2005/QĐ-TTg ngày 29/09/2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định về tỷ lệ tham gia của bên nước ngoài vào Thị trường Chứng khoán Việt Nam thì tổ chức, cá nhân nước ngoài mua bán trên TTGDCK được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu phát hành ra công chúng. Trong trường hợp cổ đông nước ngoài đã nắm giữ vượt tỷ lệ 49% tổng số cổ phiếu phát hành ra công chúng trước khi cổ phiếu được niêm yết thì phải thực hiện bán cổ phiếu để đảm bảo tỷ lệ nắm giữ của bên nước ngoài tối đa là 49%.

Hiện nay, tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của cổ đông nước ngoài tại Công ty là 1%.

7. Các loại thuế có liên quan

a. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 28% trên thu nhập chịu thuế kể từ khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ quý II/2007.

b. Thuế nhập khẩu

Thuế suất thuế giá trị gia tăng của hầu hết mặt hàng thép công nghiệp nhập khẩu áp dụng cho Công ty là 0 %.

Một số sản phẩm thép hình và thép đặc chủng của Công ty có mức thuế nhập khẩu từ 2 – 3%.

c. Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng đối với các mặt hàng thép công nghiệp của Công ty là 5%.

d. Các loại thuế khác:

Các loại thuế khác: Công ty tuân thủ theo Luật thuế của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện hành áp dụng cho các doanh nghiệp.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC NIÊM YẾT

TỔ CHỨC TƯ VẤN:

✓ Công ty TNHH Chứng Khoán Thăng Long

- Địa chỉ : Tầng 6, 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội.
- Điện thoại : 04.7262600 Fax: 04.7262601
- Email : tsc@thanglongsc.com.vn
- Website : <http://www.thanglongsc.com.vn>

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

✓ Công ty Kiểm toán và Dịch vụ tin học- AISC – Chi nhánh Hà Nội

- Địa chỉ : Tầng 24 – Lô E9 – Tòa nhà VIMECO – Đường Phạm Hùng - Quận Cầu Giấy – Hà Nội
- Điện thoại : 04.7820045 Fax: 04. 7820048

VII. PHỤ LỤC

- 1. Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty mẹ và các Công ty con.
- 2. Phụ lục II:** Điều lệ công ty.
- 3. Phụ lục III:** Báo cáo kiểm toán vốn tại thời điểm 31/10/2007
- 4. Phụ lục IV:** Báo cáo tài chính kiểm toán 2006, BCTC kiểm toán từ 01/01/2007 đến 01/5/2007, BCTC công ty và hợp nhất có kiểm toán từ 02/5/2007 – 31/10/2007, BCTC kiểm toán của các Công ty con từ 02/5/2007 – 31/10/2007.
- 5. Phụ lục V:** Sơ yếu lý lịch của thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.
- 6. Phụ lục VI:** Một số cam kết của tổ chức đăng ký niêm yết.

CHỮ KÝ CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC, TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT, KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Lê Văn Vang

Trưởng Ban Kiểm soát

Kế toán Trưởng

Mai Thị Dần

Lê Thị Thanh Tâm